

VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /CBTT-VLXD

Đồng Nai, ngày 25 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.
- Địa chỉ: số K4/79C, đường Nguyễn Tri Phương, KP Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: Số 3600275107, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 15/05/2026, do Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai cấp.
- Mã chứng khoán: VLB.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Xuân Đạo - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Huỳnh Kim Vũ - Giám đốc.
- Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

- Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua chương trình, nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Thông báo tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Tài liệu bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, trong mục "QUAN HỆ CỔ ĐÔNG" vào ngày 25/05/2026.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- Người được UQ CBTT;
- Lưu: VT, TK.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Huỳnh Xuân Đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Số: 23 /NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 5 năm 2026.

NGHỊ QUYẾT

Kỳ họp thứ VII của Hội đồng quản trị Công ty
(Về việc thông qua chương trình, nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng
cổ đông thường niên năm 2026)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa ngày 25/5/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa thông qua chương trình, nội dung và các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 gồm:

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
3. Báo cáo của Ban điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
4. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
5. Báo cáo về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.
6. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.
7. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026.
8. Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty (HĐQT, BKS, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị công ty) năm 2025, kế hoạch năm 2026.
9. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC Công ty năm 2026.
10. Tờ trình về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần VII).

12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần II).

13. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần I).

14. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần I).

15. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025- 2030 (Kèm đơn xin từ nhiệm của thành viên Ban kiểm soát).

16. Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030.

17. Tờ trình về việc thông qua danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030 (kèm lý lịch ứng viên).

18. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Thành viên Hội đồng quản trị- Giám đốc Công ty cùng Ban điều hành, các bộ phận chuyên môn hoàn thiện các báo cáo, tờ trình, quy chế và các tài liệu có liên quan để thực hiện công bố thông tin và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua theo đúng quy định.

Điều 3. Các ông, bà: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Các phòng nghiệp vụ Công ty;
- Lưu: VT, TC.



Huỳnh Xuân Đạo



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA
Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917 Website: www.bbcc.com.vn

THÔNG BÁO

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thời gian tổ chức đại hội:** 8h00, thứ Ba- ngày 16/6/2026 (đón khách từ 7h30)
- 2. Địa điểm:** tại trụ sở Công ty, số K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai.
- 3. Tài liệu, nội dung Đại hội:**

Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2026 được Công ty đăng tải tại website: www.bbcc.com.vn (trong mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 25/5/2026 và được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có) đến ngày diễn ra Đại hội.

4. Đăng ký dự Đại hội:

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý cổ đông vui lòng đăng ký dự Đại hội tại Văn phòng Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội về địa chỉ dưới đây trước 15h00 ngày 12/6/2026.

5. Ủy quyền tham dự Đại hội:

Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho cá nhân, tổ chức tham dự Đại hội. Đề nghị Quý cổ đông vui lòng điền vào mẫu Giấy ủy quyền dự Đại hội và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước 15h00 ngày 12/6/2026 hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền.)

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

- Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917 Email: congybbcc@gmail.com
- Liên hệ: Ông Nguyễn Hoàn Vũ (SĐT: 0918928083).

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có);
- Căn cước công dân/Căn cước hoặc hộ chiếu.

Trân trọng./.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 5 năm 2026



Huỳnh Xuân Đạo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỢP HOẶC ỦY QUYỀN

THAM DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Tên cổ đông:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GĐKDN số: cấp ngày:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: cổ phần

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỢP ☐

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY ☐

Ông/Bà: MSCD (nếu có)

CCCD/Căn cước số: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Số cổ phần ủy quyền:

(*) Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa có tên sau đây:

- | | |
|--|-----------------|
| <input type="checkbox"/> Ông Huỳnh Xuân Đạo | Chủ tịch HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Huỳnh Kim Vũ | Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Phạm Quốc Thái | Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Phan Tấn Đạt | Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Lê Đình Vũ Long | Thành viên HĐQT |

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành của pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa; không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của bên ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CCCD/Căn cước/Hộ chiếu khi đi dự họp.
- Nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.

- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính và có chữ ký sống của hai bên. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa kết thúc.

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Cổ đông/Bên ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên nhận ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917

Website: www.bbcc.com.vn

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**



THÁNG 6/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917 Website: www.bbcc.com.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
3. Báo cáo của Ban điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
4. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
5. Báo cáo về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.
6. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.
7. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026.
8. Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty (HĐQT, BKS, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị công ty) năm 2025, kế hoạch năm 2026.
9. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC Công ty năm 2026.
10. Tờ trình về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần VII).
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần II).
13. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần I).
14. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (Sửa đổi, bổ sung lần I).
15. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025- 2030 (Kèm đơn xin từ nhiệm của thành viên Ban kiểm soát).



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 **Fax:** (0251) 3859917 **Website:** www.bbcc.com.vn

16. Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030.

17. Tờ trình về việc thông qua danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030 (*kèm lý lịch ứng viên*).

18. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 (0251) 3859917 Website: www.bbcc.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Bắt đầu lúc 08h00 ngày 16 tháng 6 năm 2026)

| Thời gian | Nội dung |
|---------------|--|
| 7h30 - 8h00 | <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông;- Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu dự họp. |
| 8h00 - 8h30 | <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội;- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu;- Giới thiệu Đoàn Chủ tọa và Ban thư ký;- Chủ tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu;- Phổ biến Quy chế làm việc của Đại hội;- Chủ tọa thông qua Chương trình Đại hội. |
| 8h30 - 10h00 | <p>Các vấn đề thông qua tại Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Ban điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026.- Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026.- Báo cáo về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026.- Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty (HĐQT, BKS, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị công ty) năm 2025, kế hoạch năm 2026.- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC Công ty năm 2026.- Tờ trình về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. |
| 10h00 - 10h30 | <ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận |
| 10h30 - 11h00 | <ul style="list-style-type: none">- Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030.- Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030.- Thông qua danh sách ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.- Hướng dẫn biểu quyết các vấn đề, hướng dẫn bầu cử.- Tiến hành biểu quyết các vấn đề và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát. |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 (0251) 3859917 Website: www.bbcc.com.vn

| Thời gian | Nội dung |
|---------------|--|
| 11h00 - 11h30 | Nghỉ giải lao |
| 11h30 - 11h45 | <ul style="list-style-type: none">- Công bố kết quả biểu quyết các vấn đề và kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025- 2030.- Thành viên mới được bầu bổ sung vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025- 2030 ra mắt trước Đại hội. |
| 11h45 - 12h00 | <ul style="list-style-type: none">- Thư ký thông qua dự thảo Biên bản Đại hội.Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua.- Thư ký thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội.Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua.- Chủ tịch đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội. |

Đồng Nai, ngày 16 tháng 6 năm 2026.



QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản Xuất VLXD Biên Hòa;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản Xuất VLXD Biên Hòa.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua như sau:

Điều 1. Những quy định chung

1. Quy chế làm việc này chỉ áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo đúng Quy chế này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty, do Hội đồng quản trị giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa đoàn chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa và Chủ tọa đoàn:

- Điều hành công việc của Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trình bày các báo cáo, tờ trình tại Đại hội.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận và chủ trì hoặc phân công người phụ trách có liên quan trả lời, giải đáp những ý kiến góp ý, phản ánh của cổ đông.
- Hướng dẫn biểu quyết các vấn đề và bầu cử tại Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội (nếu có).

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

1. Ban thư ký do Hội đồng quản trị, Đoàn chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký:

- Ghi chép, tổng hợp đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến, những ý kiến chất vấn, góp ý của cổ đông và trả lời, giải đáp của Đoàn chủ tọa tại Đại hội;
- Dự thảo nội dung biên bản họp, nghị quyết Đại hội và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn chủ tọa.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Hội đồng quản trị, Đoàn chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban kiểm phiếu.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- Tổng hợp kết quả biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử¹; xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
- Giao lại biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Ban thư ký.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị thống nhất cử.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện kiểm tra điều kiện dự họp của các cổ đông đến họp, điều kiện tiến hành họp, phát các tài liệu liên quan đến cuộc họp và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự kỳ họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự: Cổ đông hoặc đại diện cổ đông (gọi tắt là đại biểu) sở hữu

¹ Hệ thống bỏ phiếu điện tử là cơ sở hạ tầng được Công ty sử dụng và cung cấp cho cổ đông/đại diện cổ đông để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội

cổ phần có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 15/5/2026 (ngày đăng ký cuối cùng), được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.

2. Quyền và nghĩa vụ của các đại biểu đủ điều kiện khi tham dự họp:

- Mỗi đại biểu khi tới tham dự họp phải mang theo giấy tờ tùy thân (CCCD, Thẻ căn cước hoặc hộ chiếu...) hoặc định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID, thư mời hoặc giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp là đại diện cổ đông) nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra điều kiện tham dự của đại biểu;

- Các đại biểu tham dự họp phải ký tên và nộp lại Phiếu xác nhận tham dự được Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát cho đại biểu sau khi hoàn tất đăng ký dự họp;

- Mỗi đại biểu tham dự họp được nhận Giấy thông báo thông tin đăng nhập. Trên Giấy thông báo thông tin đăng nhập sẽ có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền, đại biểu có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông được biết về các sai sót (nếu có) liên quan đến thông tin của đại biểu;

- Trong quá trình diễn ra cuộc họp, đại biểu có nhu cầu cá nhân ra ngoài hội trường cần giữ trật tự để tránh làm phiền các đại biểu khác cũng như làm gián đoạn tiến trình họp và công việc của Chủ tọa;

- Người được ủy quyền tham dự họp không được ủy quyền lại cho người khác;

- Trong thời gian họp, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự;

- Các đại biểu phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu;

- Các đại biểu phải chấp hành nghiêm Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý phù hợp theo điểm b, khoản 7, Điều 146 của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

- Đại biểu đến họp muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Tiến hành họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/5/2026 (ngày đăng ký cuối cùng).

Điều 8. Thảo luận tại Đại hội

Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.

Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.

Trong thời gian thảo luận, Đại biểu muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của đại biểu tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Đại biểu sau khi thực hiện đăng ký tham dự với Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ được cấp giấy Thông báo thông tin đăng nhập có thông tin tài khoản và mật khẩu và Mã QR Code để tiến hành đăng nhập và thực hiện biểu quyết tất cả các nội dung được đưa ra biểu quyết tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu điện tử tại đường link: www.ezgsm.fpts.com.vn.

- Khi phát hiện thấy tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ, Đại biểu phải thông báo ngay cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kịp thời thực hiện khóa/cấp mới thông tin truy cập. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro xảy ra do lỗi của Đại biểu.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ **Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết (Giấy Thông báo thông tin đăng nhập):** hình thức này được dùng để thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu, Ban thư ký; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát; Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030; Tờ trình về việc thông qua danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030; Biên bản họp, nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

+ **Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử:** áp dụng đối với các báo cáo, tờ trình và các nội dung khác thuộc chương trình Đại hội đồng cổ đông đã được Đại hội thông qua.

2. Cách thức biểu quyết:

+ **Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết (Giấy Thông báo thông tin đăng nhập):** Đại biểu thực hiện việc biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” từng vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết/Giấy Thông báo thông tin đăng nhập. Khi biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết/ Giấy Thông báo thông tin đăng nhập phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết/Giấy Thông báo thông tin đăng nhập trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được ghi nhận là biểu quyết “Tán thành” vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết/Giấy Thông báo thông tin đăng nhập nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

+ **Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử:** Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận

kết quả.

- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

+ Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.

+ Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.

+ Thời gian bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề cần được biểu quyết tại Đại hội: Đại biểu thực hiện biểu quyết từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung biểu quyết. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

+ Trường hợp hệ thống bỏ phiếu điện tử gặp sự cố, Chủ tọa quyết định áp dụng phương thức biểu quyết thay thế. Kết quả biểu quyết được ghi nhận từ hệ thống và/hoặc phương thức thay thế là căn cứ pháp lý chính thức của Đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết/Giấy Thông báo thông tin đăng nhập.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 15/5/2026) tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty là: 46.720.560 cổ phần, tương đương với 46.720.560 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

- Lưu ý: Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo điểm b, khoản 3 và khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của từng nội dung và chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại Đại hội.

Điều 11. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký ghi vào biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

1. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm Quy chế này. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Huỳnh Xuân Đạo

BÁO CÁO

Về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Thực hiện sự phân công của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty báo cáo Quý cổ đông về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và xin ý kiến Đại hội thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Đặc điểm tình hình:

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen. Điểm thuận lợi đó là dự án sân bay Long Thành, đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đường Vành đai 3 và nhiều công trình hạ tầng giao thông trọng điểm khu vực miền Đông và Tây Nam bộ được tập trung đẩy mạnh tiến độ. BBCC được UBND tỉnh Đồng Nai xác định là đơn vị chủ lực trong việc phân khai, cung ứng đá xây dựng cho các dự án trọng điểm phải hoàn thành và vận hành kỹ thuật vào cuối năm 2025. Trên cơ sở đó Công ty đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc kéo dài liên quan đến các thủ tục đất đai và khoáng sản như: công tác thuê đất, đền bù, mở rộng diện tích mỏ; gia hạn thời gian khai thác mỏ đá Soklu 2 và Soklu5; điều chỉnh giấy phép khai thác tại các mỏ đá Tân Cang 1, Thạnh Phú 1, Thiện Tân 2, trong đó bổ sung nội dung khai thác đất, đá phong hóa làm cơ sở để Công ty triển khai thực hiện... Đây chính là cơ sở quan trọng để Công ty tối ưu hóa năng lực khai thác, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn cung ứng cho thị trường.

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 cũng đối mặt với nhiều áp lực do phải tập trung cung cấp đá cho các công trình trọng điểm theo sự phân khai của UBND tỉnh Đồng Nai nên có những bị động, phát sinh chi phí nhất định trong việc tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và gián đoạn cung ứng cho khách hàng truyền thống; các nguy cơ về an toàn lao động luôn tiềm ẩn do Công ty phải tăng cường độ sản xuất và duy trì liên tục nhiều tháng liền; công tác đền bù đối với một số diện tích còn lại tại các mỏ gặp khó khăn do các yếu tố khách quan (chủ sử dụng đất chưa đồng ý về giá, hoặc yêu cầu chuyển nhượng toàn bộ đối với thửa đất có diện tích vừa nằm bên trong, vừa nằm bên ngoài giấy phép...); thuế tài nguyên, giá điện, giá thuốc nổ được điều chỉnh tăng; giá xăng, dầu không ổn định do bất ổn địa chính trị thế giới và chiến tranh thương mại giữa các nước lớn; tình hình thời tiết vừa có mưa bão kéo dài, vừa nắng nóng gay gắt làm ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động; cùng những khó khăn đặc thù của ngành nghề khai thác

khoáng sản là những yếu tố tác động làm ảnh hưởng chung đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Trong năm 2025, dù gặp rất nhiều bất lợi trong sản xuất kinh doanh, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc của toàn thể cán bộ- công nhân viên toàn Công ty, kết hợp những biện pháp, giải pháp về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đồng bộ, toàn diện và hiệu quả của tập thể lãnh đạo Công ty; cùng sự chia sẻ, đồng thuận của Quý cổ đông chính là động lực quan trọng giúp Công ty vượt qua trở ngại, tích cực phát huy những lợi thế riêng của doanh nghiệp, cũng như những giai đoạn thuận lợi của thị trường để thực hiện hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua. Kết quả cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | TH/KH 2025 (%) |
|-----|----------------------|------------|---------------|----------------|----------------|
| 1 | Doanh thu thuần | Triệu đồng | 982.376 | 1.455.763 | 148,19% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 175.000 | 376.993 | 215,42% |

Riêng chi tiết về các giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện; các chỉ số phân tích, đánh giá, so sánh v.v.. được nêu cụ thể trong Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Ban điều hành xin phép không lặp lại để đảm bảo thời gian của Đại hội. Rất mong Quý cổ đông thông cảm, trường hợp Quý cổ đông nào quan tâm thì đề nghị tham khảo thêm tại Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty.

3. Công tác đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu tại các mỏ đá trực thuộc:

- Đối với công tác đầu tư : trong năm 2025, Công ty đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp tăng công suất máy nghiền sàng đá số 9 tại mỏ đá Thanh Phú 1, từ 250 tấn/giờ lên 500 tấn/giờ, mua sắm xe đào bánh lốp hiệu Samsung MX6W-2 (đã qua sử dụng) góp phần bảo đảm năng lực sản xuất ổn định, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, chủng loại đa dạng, phong phú, đáp ứng cung cấp đá xây dựng cho các dự án trọng điểm. Tổng giá trị đầu tư các tài sản trên là: 11.953.992.347 đồng.

- Đối với công tác mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh: trong năm 2025 Công ty thực hiện đền bù, nhận chuyển nhượng được 47.417,8 m² đất để mở rộng diện tích khai thác tại các mỏ Tân Cang 1, mỏ Thanh Phú 1, mỏ Thiện Tân 2, với tổng giá trị đền bù là 71 tỷ 883 triệu đồng, đồng thời hoàn thành các thủ tục hoán đổi đất với Công ty Cổ phần Hóa An tại mỏ đá Tân Cang 1.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT- KINH DOANH NĂM 2026

1. Nhận định chung:

Theo nhận định tình hình năm 2026, các dự án trọng điểm quốc gia về hạ tầng giao thông tại khu vực như công trình sân bay Long Thành, mở rộng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, tuyến đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (đoạn qua địa bàn thành phố Đồng Nai), dự án cầu Mã Đà, các dự án đường Đông - Tây Nam bộ v.v. được triển khai, đẩy mạnh thi công thì nhu cầu đá xây dựng để cung cấp cho các dự án này là rất lớn, đây sẽ là cơ hội để Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, tăng doanh thu.

Bên cạnh những cơ hội, trong năm 2026, hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục gặp những thách thức, khó khăn do các thủ tục pháp lý có liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản, tài nguyên, đất đai còn một số vướng mắc. Mặt khác, việc tiếp tục cung cấp đá xây dựng cho các nhà thầu, ban quản lý dự án theo sự phân khai của UBND thành phố Đồng Nai sẽ phát sinh những khó khăn nhất định do Công ty không chủ động được trong việc kinh doanh, một số sản phẩm đá tồn kho nhiều, dẫn đến phát sinh tăng chi phí do phải di dời thành phẩm để có mặt bằng chế biến và duy trì đảm bảo an toàn lao động trong điều kiện cường độ sản xuất tại các mỏ của Công ty cao. Bên cạnh đó, thời tiết mưa, bão được dự báo diễn biến phức tạp do tác động của biến đổi khí hậu; bất ổn địa chính trị thế giới và chiến tranh thương mại giữa các nước lớn, nhất là chiến sự giữa Mỹ, Israel với Iran và những bất ổn đang lan rộng khu vực Trung Đông đã tác động, làm cho giá xăng, dầu tăng rất cao, kéo theo giá cả nhiều vật tư, chi phí đầu vào khác tăng mạnh, v.v. là những yếu tố sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty trong năm 2026.

2. Các chỉ tiêu chính năm 2026:

Từ đặc điểm tình hình về những thuận lợi, khó khăn nêu trên, Ban điều hành, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kế hoạch thực hiện |
|-----|--------------------------------------|----------------|--------------------|
| 1 | Sản xuất sản phẩm đá các loại | m ³ | 6.800.000 |
| | Tiêu thụ sản phẩm đá các loại | m ³ | 6.800.000 |
| 2 | Doanh thu, trong đó: | đồng | 1.411.346.900.000 |
| | - Tiêu thụ sản phẩm đá các loại | đồng | 1.379.654.100.000 |
| | - Tiêu thụ đất san lấp, đá phong hóa | đồng | 21.700.000.000 |
| | - Kinh doanh VLXD | đồng | 9.992.800.000 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | đồng | 280.000.000.000 |

3. Một số giải pháp chủ yếu:

Để tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt nhất trong năm 2026, Ban điều hành Công ty xác định những biện pháp, giải pháp trọng tâm tiếp tục tập trung triển khai thực hiện như sau:

- Tiếp tục phát huy các giải pháp đã thực hiện về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị chất lượng, thương hiệu; công tác kỹ thuật, sửa chữa mà Công ty triển khai thực hiện đạt kết quả tốt trong năm 2025.

- Tăng cường trách nhiệm của mỗi cán bộ, CNV-LĐ đối với công việc được giao, tạo nên sự đồng bộ, nhịp nhàng của cả hệ thống từ lao động giản đơn đến lao động có trình độ chuyên môn, cấp quản lý; phát huy tối đa lợi thế về nguồn nhân lực có chất lượng, ổn định; tăng cường phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất; phối hợp với đơn vị có chức năng tổ chức đào tạo AI đang trở thành xu hướng tất yếu, mở ra những cơ hội mới giúp Công ty nâng cao hiệu suất, tối ưu chi phí trong hoạt động. Đồng thời tiếp tục duy trì thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng bổ sung kiến thức, các quy định mới của pháp luật, nhất là về lĩnh vực đất đai, tài nguyên khoáng sản, thuế, tài chính kế toán; về quản trị công ty đại chúng v.v..., cùng với các giải pháp về cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu

quả lao động, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống và các chế độ phúc lợi, thu nhập của người lao động.

- Tập thể lãnh đạo Công ty tăng cường bám sát thực tế, kịp thời hỗ trợ, xử lý những khó khăn, vướng mắc ở các xí nghiệp, đơn vị, gắn với thực hiện điều hành tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh minh bạch, khoa học, phù hợp với sự chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước nhằm đạt kết quả tối ưu các biện pháp, giải pháp, chương trình, kế hoạch Công ty đề ra hàng năm, cũng như đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến ngành, nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua đó, tiếp tục duy trì, nâng cao niềm tin, sự ủng hộ của quý cổ đông, cùng chia sẻ, đồng hành với những khó khăn phát sinh của Công ty, cùng cộng đồng trách nhiệm, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các cổ đông và người lao động Công ty, cũng như việc tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước. Tổ chức ghi nhận và hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính rõ ràng, chính xác, kịp thời, thực hiện cân đối tài chính phù hợp với nhu cầu thực tế tại Công ty và đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát quá trình sản xuất - kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khoan - nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, công tác bảo trì - sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; thường xuyên cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng, rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v..., tối ưu hóa các quy trình sản xuất để nâng cao năng suất.

Song song đó, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm có liên quan như:

+ Tiếp tục rà soát, xin chủ trương Hội đồng quản trị thanh lý những máy móc, thiết bị thường xuyên hư hỏng, hoạt động kém hiệu quả. Mặt khác, đánh giá năng lực vận chuyển, bốc xúc, nhu cầu các xe máy, thiết bị chủ lực v.v. để bố trí, sắp xếp, điều chuyển nội bộ một cách khoa học nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng tài sản đã đầu tư, đồng thời khi thật sự cần thiết sẽ xin chủ trương Hội đồng quản trị phân kỳ thực hiện nâng cấp, hoặc đầu tư một cách hợp lý, nhằm kịp thời bổ sung, đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất an toàn, ổn định, chủ động, tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo nguồn sản phẩm đá cung cấp cho thị trường trong phạm vi công suất thiết kế được duyệt tại các mỏ trực thuộc.

+ Tập trung rà soát, bổ sung hoàn tất thủ tục thuê đất, đền bù phần diện tích còn lại theo giấy phép tại các mỏ đá; lập thủ tục huy động vào thiết kế khai thác khu vực 44,3ha mỏ đá Tầng Càng 1.

+ Thực hiện thuê dịch vụ nổ mìn tại mỏ đá Soklu 2 nhằm tinh gọn lao động, nâng cao hiệu quả và giảm chi phí nổ mìn.

- Tiếp tục xây dựng văn hóa danh nghiệp, gắn với nâng cao thương hiệu BBCC về mọi mặt, thực hiện các chiến lược phát triển bền vững, phù hợp trong từng giai đoạn cụ thể để duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

Trên đây là báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. Kính báo cáo với Quý cổ đông./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Hội đồng quản trị Công ty (b/c);
- Các Phó Giám đốc Công ty (để biết);
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.



Số: 02 /BC-HĐQT

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2026.

BÁO CÁO
Về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025
và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Về tình hình nhân sự HĐQT năm 2025:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------|---|
| 1 | Huỳnh Xuân Đạo | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Chuyên trách, không tham gia Ban điều hành |
| 2 | Huỳnh Kim Vũ | Thành viên Hội đồng quản trị | Giám đốc Công ty |
| 3 | Phạm Quốc Thái | Thành viên Hội đồng quản trị | Phó Giám đốc Công ty |
| 4 | Phan Tấn Đạt | Thành viên Hội đồng quản trị | Không tham gia Ban điều hành |
| 5 | Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên Hội đồng quản trị | Không tham gia Ban điều hành (miễn nhiệm ngày 26/6/2025) |
| 6 | Lê Đình Vũ Long | Thành viên Hội đồng quản trị | Không tham gia Ban điều hành (bầu bổ sung ngày 26/6/2025) |

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành; hàng quý, Hội đồng quản trị đều duy trì họp, từng thành viên và tập thể Hội đồng quản trị luôn đồng thuận, tập trung, nghiêm túc triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua trên tinh thần trách nhiệm cao nhất; luôn thường xuyên theo dõi sát sao tình hình diễn biến thị trường, diễn biến kinh tế-xã hội của đất nước, công tác đầu tư và giải ngân vốn ngân sách đối với lĩnh vực hạ tầng giao thông; về tình hình, diễn biến giá xăng dầu, những điều chỉnh của Nhà nước về các chính sách vĩ mô liên quan đến đất đai, tài nguyên khoáng sản; luôn sâu sát với thực tế hoạt động của Công ty để kịp thời đề ra nghị quyết, quyết định, những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo hợp lý, hiệu quả trong từng giai đoạn cụ thể, cũng như quản lý và giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã xem xét cẩn trọng và thống nhất thông qua nhiều vấn đề quan trọng của Công ty nhằm thực hiện hoàn thành tốt nhất các mục tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã đề ra. Cụ thể, năm 2025, Hội đồng quản trị duy trì tổ chức 07 cuộc họp và 07 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Qua đó, ban hành

22 nghị quyết, 01 quyết định về các vấn đề liên quan như: xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trình ĐHĐCĐ; thông qua đơn giá sản phẩm dở dang, kế hoạch thường Tết Nguyên đán 2025; thông qua quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024, kế hoạch 2025; các nội dung chuẩn bị trình ĐHĐCĐ thường niên; thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng đất để thực hiện khai thác tại mỏ đá Tân Cang 1, Thạnh Phú 1, Thiện Tân 2; trả lại đất và thanh lý hợp đồng thuê đất; việc sửa chữa, nâng cấp tăng công suất máy nghiền sàng đá số 9 tại mỏ đá Thạnh Phú 1, từ 250 tấn/giờ lên 500 tấn/ giờ; đầu tư, thanh lý tài sản; lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chỉnh kế hoạch chia cổ tức năm 2025; chia cổ tức đợt 2 năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền,...

- Về cơ cấu Hội đồng quản trị: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp (có Ban kiểm soát), Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó gồm 03 thành viên không tham gia điều hành (không kiêm nhiệm chức vụ trong Ban điều hành) và 02 thành viên tham gia điều hành. Năm 2025, từng thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, phụ trách; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty; trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; luôn xem xét, quyết định các vấn đề, các định hướng phát triển của Công ty một cách công khai, minh bạch và thận trọng; tiếp tục quan tâm hoàn thiện công tác quản trị theo hướng hiệu quả, quản lý chặt chẽ về chi phí, tài chính, hạn chế thấp nhất các rủi ro về pháp lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

2.2. Hội đồng quản trị tiếp tục và luôn đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có mời Ban kiểm soát tham dự, đồng thời mời mở rộng đến tất cả các thành viên Ban điều hành, cùng các trưởng phòng nghiệp vụ có liên quan của Công ty để báo cáo, hoặc giải trình theo các yêu cầu của Hội đồng quản trị (nếu có). Qua đó, luôn kịp thời và minh bạch các hoạt động của doanh nghiệp, tiếp tục hoàn thiện theo hướng ngày một chuyên nghiệp, hiệu quả hơn trong công tác quản trị công ty đại chúng.

3. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy và tăng cường thực hiện công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các thành viên điều hành khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trong đó, Chủ tịch HĐQT duy trì tham gia đầy đủ các buổi hội ý tuần, dự họp giao ban tháng với Ban điều hành để nắm thông tin, hoặc nghe báo cáo về tình hình, kết quả sản xuất kinh doanh; những thuận lợi, khó khăn thực tế phát sinh; việc thực hiện các thủ tục đất đai, khoáng sản, kết quả giải quyết của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đối với các kiến nghị của Công ty v.v.. để hỗ trợ tháo gỡ những vướng mắc, tồn đọng. Đồng thời, Hội đồng quản trị thông qua nhiều kênh quản lý, kết hợp thường xuyên đến trực tiếp tại các xí nghiệp, đơn vị, các công trường làm việc trực thuộc để nắm bắt cụ thể, bao quát và toàn diện việc thực thi trách nhiệm của Giám đốc và các thành viên Ban điều hành nhằm giám sát và có đánh giá đúng, kịp thời, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty phải tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục ghi nhận và đánh giá cao những biện pháp, giải pháp mà Ban điều hành đã triển khai thực hiện trong năm 2025. Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động,

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, luôn tích cực, chủ động thực hiện và giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành Công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty đúng quy định của pháp luật; đã điều hành, triển khai và tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh khoa học, hiệu quả trong từng điều kiện và giai đoạn cụ thể của thị trường tiêu thụ sản phẩm đá xây dựng; đặc biệt đã tập hợp, phát huy được sức mạnh nội lực, sự đồng thuận, lao động sáng tạo, siêng năng, cần cù của mọi thành viên trong Công ty. Qua đó, thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua, cụ thể: doanh thu thực hiện vượt 48,19%, lợi nhuận vượt 115,42% so với kế hoạch năm 2025 và cổ tức năm 2025 dự kiến xin Đại hội thông qua với tỷ lệ thực hiện là 49%/mệnh giá cổ phần (kế hoạch năm 2025 tối thiểu là 30%).

Ngoài kết quả trên, thực hiện các chỉ đạo, yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty, trong năm qua, Ban Điều hành Công ty đã tập trung triển khai các thủ tục đất đai tại các mỏ đá với kết quả: UBND tỉnh Đồng Nai đã có quyết định chấp thuận cho Công ty thuê bổ sung 22,68 ha thuộc mỏ đá Thạnh Phú 1; 0,84 ha thuộc mỏ đá Thiện Tân 2; 8,29 ha thuộc mỏ đá Tân Cang 1; 1,46 ha thuộc mỏ đá Soklu 5; đồng thời hoàn thành gia hạn thuê đất tại mỏ Soklu 5 với diện tích 30,06 ha; gia hạn thuê đất mỏ Soklu 2 với diện tích 32,11 ha. Tổng diện tích đất trong ranh giới cấp phép khai thác mỏ được thuê và trả tiền thuê đất hàng năm, tính đến ngày 31/12/2025 là 243,6 ha. Qua đó, giúp cho việc mở rộng moong, thiết kế đai, tầng và tổ chức các hoạt động khai thác, bố trí sản xuất kinh doanh tại các mỏ đá trực thuộc được thuận lợi hơn, kịp thời cung cấp đá xây dựng theo phân khai của UBND tỉnh Đồng Nai khi những dự án lớn về hạ tầng giao thông tại khu vực được tập trung đẩy mạnh thi công như giai đoạn vừa qua và những năm tiếp theo.

4. Báo cáo chi phí thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị Công ty: Tổng tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty là 1.812.000.000 đồng, đạt 100% theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua (*chi tiết báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty đính kèm*).

5. Báo cáo giao dịch với bên có liên quan:

Trong năm 2025, không phát sinh giao dịch giữa Công ty với người nội bộ của Công ty, nhưng có phát sinh giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Công ty như sau:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|---|-----------------------------------|---------------------------------|--|
| 1 | Tổng Công Ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Một Thành Viên Công Ty TNHH | Người có liên quan của Công ty | 20/02/2025 | Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 46.060.000.000 đồng |
| | | | 14/8/2025 | Trả cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 34.545.000.000 đồng |
| 2 | Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp KSB | Người có liên quan của Công ty | 20/02/2025 | Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 20.600.000.000 đồng |
| | | | 14/8/2025 | Trả cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 15.450.000.000 đồng |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---|
| 3 | Công ty Cổ Phần Hoà An | Người có liên quan của Công ty | 20/02/2025 | Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 7.520.000.000 đồng |
| | | | 14/8/2025 | Trả cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 5.866.200.000 đồng |

(Chi tiết về giao dịch nêu trên và các nội dung khác có liên quan được nêu tại báo cáo tình hình quản trị và báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty).

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026:

Bước sang năm 2026, Hội đồng quản trị xác định đây tiếp tục là một năm có nhiều cơ hội bứt phá đi kèm những thách thức từ bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và thế giới.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2026 được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với những thách thức, việc quản lý và điều phối nguồn cung đá xây dựng theo phân khai của UBND thành phố Đồng Nai vẫn là bài toán đầy áp lực. Tuy nhiên, với kinh nghiệm đã có được qua năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục giữ vai trò định hướng và sẽ tạo những điều kiện tốt nhất để giúp Ban Điều hành Công ty triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất- kinh doanh thuận lợi và đạt kết quả cao nhất.

Từ những đánh giá, nhận định về đặc điểm tình hình nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 đó là:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2026 |
|-----|----------------------|--------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 1.411,3469 tỷ đồng |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 280 tỷ đồng |
| 3 | Cổ tức (bằng tiền) | Tối thiểu 35%/mệnh giá cổ phần |

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện và luôn đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong đó, Hội đồng quản trị tiếp tục thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy định quản lý nội bộ, hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp; đồng thời rà soát, khi cần thiết sẽ thực hiện điều chỉnh, phân công bổ sung nhiệm vụ cho các Thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực đảm bảo phù hợp với kinh nghiệm, năng lực quản lý, năng lực công tác để quản lý, giám sát toàn diện hoạt động của Công ty. Qua đó, tăng cường phát huy cao nhất trách nhiệm, hiệu quả, chất lượng công việc của từng cá nhân theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo đúng quy định, đồng thời Chủ tịch Hội đồng quản trị duy trì tham gia hội ý, tham gia họp giao ban định kỳ hàng tháng với Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty, xí nghiệp, đơn vị trực thuộc để kịp thời nghe báo cáo, nắm bắt thông tin về các hoạt động sản xuất kinh doanh; cũng như hỗ trợ, giúp Ban điều hành liên hệ báo cáo, giải trình, kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước tiếp tục xem xét tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về các thủ tục đất đai, khoáng sản,

môi trường, đền bù mở rộng vùng nguyên liệu còn lại v.v.. Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty luôn dựa trên nguyên tắc "thượng tôn pháp luật, hiệu quả tốt nhất cho cổ đông, gắn với hài hòa lợi ích của tập thể người lao động tại doanh nghiệp".

- Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên sâu sát thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, kết hợp theo dõi sát sao kế hoạch và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố cũng như trong khu vực; tình hình phân khai vật liệu đá xây dựng cho các công trình trọng điểm, sân bay Long Thành và các công trình đầu tư công; diễn biến của thị trường vật liệu xây dựng, thị trường bất động sản; các chính sách thuế, phí có liên quan; năng lực tài chính, xe, máy, thiết bị của Công ty, v.v... để có cơ sở xây dựng hoặc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, xem xét cho sửa chữa, nâng cấp, đầu tư mới tài sản trong phạm vi, thẩm quyền cho phép khi cần thiết. Qua đó, tiếp tục tập trung tăng cường năng lực sản xuất, phấn đấu khai thác đạt tối đa công suất theo giấy phép của từng mỏ đá trực thuộc, phát huy triệt để sự thuận lợi của thị trường và thế mạnh hiện có để mang lại lợi nhuận tốt nhất cho Công ty, lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Song song đó, tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp, giải pháp điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh; tổ chức kiểm soát chặt chẽ chi phí và các quá trình sản xuất kinh doanh từ khâu đầu đến khâu cuối; tăng cường thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý để gia tăng hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực, gắn với tăng cường phát huy thế mạnh về thương hiệu, chất lượng sản phẩm và các yếu tố thuận lợi khách quan trong từng giai đoạn cụ thể nhằm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận đồng thời linh hoạt ứng phó, vượt qua những khó khăn, thách thức trong năm 2026, tiến tới thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, ổn định; đầu tư vào các chương trình nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ-công nhân viên để có đủ chuyên môn, kinh nghiệm thích ứng với những giai đoạn và chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm và chủ động trong mọi cấp quản lý.

- Tiếp tục quản lý, giám sát thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để phục vụ các yêu cầu, mục tiêu phát triển bền vững trong ngành khai thác khoáng sản gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các bộ phận thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn lao động.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

(Chữ ký)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Huỳnh Xuân Đạo



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA**

Số: 01/BC-VLXD-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (BBCC).

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 người, và đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2025 như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Giám sát việc thực hiện các nội dung của nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Kiểm soát việc tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật về công bố thông tin của Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

- Trong năm 2025 Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với các nội dung sau:

+ Xem xét và thông qua các báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

+ Xây dựng kế hoạch công tác năm 2026 và tổ chức triển khai thực hiện.

+ Rà soát các công việc đã được thống nhất và phân công giữa các thành viên.

2. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: tiền lương Trưởng Ban kiểm soát là 600 triệu đồng và thù lao Thành

viên Ban kiểm soát (trong đó bà Nguyễn Thị Thu Trà miễn nhiệm từ 26/6/2025, ông Lê Công Sơn bổ nhiệm từ 26/6/2025) là 252 triệu đồng. Chi tiết thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát được trình bày tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 | Thực hiện năm 2025 | Thực hiện so với Nghị quyết |
|-----|----------------------|---------|-----------------------|--------------------|-----------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 982,376 | 1.455,763 | 148% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 175 | 376,993 | 215% |

Các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2025, Công ty thực hiện đều vượt rất cao so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 giao. Cụ thể, doanh thu thuần vượt hơn 48% và lợi nhuận trước thuế vượt 115%. Kết quả này cho thấy công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đạt hiệu quả tốt.

2. Đánh giá tình hình tài chính Công ty

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----|--|------|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| | Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 2,12 | 1,77 |
| | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | Lần | 1,99 | 1,73 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| | Nợ/Tổng tài sản | % | 34,19 | 39,76 |
| | Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 51,96 | 66,01 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 23,54 | 33,77 |
| | Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,43 | 1,34 |

- Tại thời điểm cuối năm 2025, hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh có sự điều chỉnh tương đối so với cùng kỳ năm 2024 nhưng Công ty vẫn duy trì cả 2 hệ số này ở trong mức cao trên mức 1,7 lần, cho thấy rủi ro thanh toán nợ ngắn hạn là tương đối thấp. Duy trì khả năng thanh toán ổn định sẽ giúp Công ty chủ động trong các phương án kinh doanh.

- Năm 2025, cơ cấu vốn của Công ty ghi nhận có sự thay đổi tăng đáng kể so với năm 2024, nguyên nhân chính đến từ sự gia tăng các khoản phải trả ngắn hạn cụ thể là trả cổ tức. Về nợ dài hạn khoảng 14 tỷ, tăng nhẹ so với năm 2024, do lập dự phòng hoàn nguyên môi trường cho các mỏ đá. Vì vậy, cơ cấu vốn Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định, phản ánh cấu trúc tài chính lành mạnh và tối ưu hóa lợi ích cho các cổ đông.

- Các chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2025 đã phản ánh tình hình kinh doanh đầy khởi sắc với nhiều điểm nhấn tích cực. Đáng chú ý là vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 23,54 vòng lên 33,77 vòng. Kết quả này minh chứng rõ nét cho nhu cầu đá xây dựng rất cao của các dự án trọng điểm và khả năng cung ứng vượt trội của Công ty trong ngành.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2025

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cần trọng.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp và tích cực tham gia ý kiến tư vấn cho Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tập trung đẩy mạnh sản xuất để cung cấp đá xây dựng cho các dự án trọng điểm theo phân khai, chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Giám đốc triển khai giao chỉ tiêu cho các đơn vị nghiệp vụ thực hiện, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc và giúp đỡ các đơn vị tổ chức thực hiện hiệu quả. Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất hiệu quả từ Ban Giám đốc đến các Xí nghiệp, Phòng ban nghiệp vụ.

- Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm phù hợp với Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Chính sự quản lý, điều hành hiệu quả đã giúp Công ty hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.

- Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các tài liệu trong quá trình giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và tham gia ý kiến về các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông về các hoạt động của Công ty.

3. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của thành viên đó: Trong năm 2025, Công ty thực hiện tạm ứng và chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Một Thành Viên Công ty TNHH (là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị gồm ông

Huỳnh Xuân Đạo, ông Huỳnh Kim Vũ) theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật.

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2026, Ban kiểm soát có một số kiến nghị đối với Công ty như sau:

- Thường xuyên cập nhật các quy định, chính sách mới của pháp luật được ban hành, triển khai rà soát các quy trình, quy chế nội bộ để sửa đổi, bổ sung, đồng bộ, nhằm chuẩn hóa hoạt động, nâng cao năng suất và hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tiếp tục sắp xếp lại đội ngũ lao động ngày càng tinh gọn và hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong sản xuất kinh doanh.

- Rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật về điện, xăng dầu, vật liệu nổ...theo hướng ngày càng tiết kiệm nhằm hạ giá thành sản phẩm để nâng cao lợi nhuận mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác sản xuất kinh doanh và điều hành quản lý.

- Tăng cường chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công ty, đồng thời duy trì nguồn nhân lực ổn định và chất lượng cho xã hội.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong việc quản trị và điều hành.

- Tập trung thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty. Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

- Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm.

- Giám sát hoạt động công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên liên quan.

- Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ mà pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã quy định.

Trên đây là toàn văn Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025, kính trình trước Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Đường Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026.

TỜ TRÌNH

Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ngày 20/3/2026 (bản tóm tắt được đính kèm Tài liệu đại hội).

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 được đăng tải tại website Công ty: www.bbcc.com.vn

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Xuân Đạo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

PH. M. S. D.



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 - 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 8 - 11 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 12 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 15 - 38 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600275107, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 385 9358
- Fax : +84 (0251) 385 9917

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Xí nghiệp công trình giao thông và xây dựng | Tổ 1, đường Bùi Hữu Nghĩa, khu phố Tân Vạn 4, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |
| Xí nghiệp kỹ thuật sửa chữa | Tổ 12, khu phố Ông Hoàng, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai |
| Xí nghiệp khai thác đá | Tổ 12, khu phố Ông Hoàng, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai |
| Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang | Tổ 1, đường Bùi Hữu Nghĩa, khu phố Tân Vạn 4, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |
| Xí nghiệp khai thác đá Soklu | Km 07, Quốc lộ 20, ấp Nguyễn Huệ 2, xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai |
| Xí nghiệp vận tải và cơ giới | Tổ 7, khu phố Ông Hoàng, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai |
| Trung tâm dịch vụ xây dựng và vật liệu xây dựng | Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố Cây Châm, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai |

Ngoài ra Công ty còn có các địa điểm kinh doanh sau:

| Tên địa điểm kinh doanh | Địa chỉ |
|----------------------------|--|
| Bến thủy nội địa Thạnh Phú | Tổ 7, khu phố Ông Hoàng, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai |
| Bến thủy nội địa Thiện Tân | Tổ 1, Khu phố 6-7, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai |

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Huỳnh Xuân Đạo | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Huỳnh Kim Vũ | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Phạm Quốc Thái | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Phan Tấn Đạt | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Lê Đình Vũ Long | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phụ trách quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Hùng Thắng | Phụ trách quản trị | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2021 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Huỳnh Đường Tài | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Lê Công Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Trà | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |

Ban điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Huỳnh Kim Vũ | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021 |
| Ông Phạm Quốc Thái | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Hùng Thắng | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021 |
| Ông Phạm Thái Hợp | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Như Thạch | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Hoàng Đăng Quốc Vĩnh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Trần Quốc Triều | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------|----------------------------|---------------------------------------|
| Ông Huỳnh Xuân Đạo | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Huỳnh Kim Vũ | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2021 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CT.1
IH
(VĂN
5 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0386/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền



Võ Thành Công

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 796.604.080.014 | 698.647.399.576 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 92.430.955.525 | 84.618.966.466 |
| 1. Tiền | 111 | | 37.430.955.525 | 34.618.966.466 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 55.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 652.000.000.000 | 550.500.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 652.000.000.000 | 550.500.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 20.663.770.161 | 21.294.643.934 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 3.403.376.723 | 6.340.680.642 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 3.281.528.848 | 2.230.293.518 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 13.978.864.590 | 12.723.669.774 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 18.766.693.399 | 42.229.753.696 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 18.766.693.399 | 42.229.753.696 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12.742.660.929 | 4.035.480 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 659.720.298 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 12.082.940.631 | 4.035.480 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 372.948.034.763 | 300.813.988.561 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 33.602.601.248 | 32.615.391.732 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 33.602.601.248 | 32.615.391.732 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 45.215.789.898 | 43.841.226.670 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 45.215.789.898 | 43.841.226.670 |
| - Nguyên giá | 222 | | 550.675.580.753 | 547.580.602.561 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (505.459.790.855) | (503.739.375.891) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 474.300.000 | 474.300.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (474.300.000) | (474.300.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 199.126.025 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | - | 199.126.025 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 294.129.643.617 | 224.158.244.134 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 288.983.091.654 | 218.719.751.329 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | 2.928.869.828 | 2.359.040.385 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | V.13 | 2.217.682.135 | 3.079.452.420 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.169.552.114.777 | 999.461.388.137 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 465.050.707.903 | 341.747.410.905 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 450.406.358.763 | 329.952.208.980 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 23.937.066.321 | 20.504.343.339 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 37.122.449.625 | 17.130.584.268 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 61.954.079.898 | 43.484.090.018 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 55.364.517.461 | 53.176.004.232 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 112.000.000 | 112.000.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 140.161.680.000 | 97.638.241.398 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 131.754.565.458 | 97.906.945.725 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 14.644.349.140 | 11.795.201.925 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.21 | 14.644.349.140 | 11.795.201.925 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai




BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 704.501.406.874 | 657.713.977.232 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 704.501.406.874 | 657.713.977.232 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22a, b | 469.216.000.000 | 469.216.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 469.216.000.000 | 469.216.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.22a | 20.714.147.461 | 20.714.147.461 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.22a | (3.437.784.000) | (3.437.784.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.22a | 128.966.470.714 | 98.822.795.183 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22a | 89.042.572.699 | 72.398.818.588 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 2.636.205.136 | 72.398.818.588 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 86.406.367.563 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.169.552.114.777 | 999.461.388.137 |

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập
Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng
Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.455.763.188.199 | 1.303.727.922.970 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.455.763.188.199 | 1.303.727.922.970 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.030.005.289.943 | 951.183.914.371 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 425.757.898.256 | 352.544.008.599 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 30.655.067.406 | 19.889.159.265 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4 | 14.636.659.789 | 11.241.361.512 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 79.814.507.640 | 76.218.727.995 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 361.961.798.233 | 284.973.078.357 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 15.401.529.891 | 2.849.654.087 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 370.423.756 | 11.578.708.659 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 15.031.106.135 | (8.729.054.572) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 376.992.904.368 | 276.244.023.785 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 76.125.978.499 | 59.976.344.953 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.12 | (569.829.443) | (2.359.040.385) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>301.436.755.312</u> | <u>218.626.719.217</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8a, b | <u>5.495</u> | <u>3.978</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8a, b | <u>5.495</u> | <u>3.978</u> |

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lậpTrần Quốc Triều
Kế toán trưởngHuỳnh Kim Vũ
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|---------------------|-------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 376.992.904.368 | 276.244.023.785 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9 | 10.615.596.665 | 17.090.897.830 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.21 | 2.849.147.215 | 11.552.714.171 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, 6 | (31.484.151.217) | (21.133.866.473) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 358.973.497.031 | 283.753.769.313 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (11.925.574.664) | 29.915.674.703 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 24.324.830.582 | (2.577.431.852) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 31.939.866.181 | 28.937.829.307 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (70.923.060.623) | 15.597.944.722 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (68.179.874.630) | (46.158.649.004) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.20 | 29.682.000 | 35.532.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.20 | (10.588.867.937) | (9.094.530.858) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 253.650.497.940 | 300.410.138.331 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, 11 | (12.038.804.540) | (3.623.146.679) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.076.854.483 | 1.825.348.212 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.288.500.000.000) | (960.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 1.187.000.000.000 | 785.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.3 | 30.145.401.176 | 17.093.973.688 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (82.316.548.881) | (160.203.824.779) |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19, 22 | (163.521.960.000) | (88.769.064.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (163.521.960.000) | (88.769.064.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 7.811.989.059 | 51.437.249.552 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 84.618.966.466 | 33.181.716.914 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 92.430.955.525 | 84.618.966.466 |

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập


Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng




Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc



Số: 05 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025,
kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026 như sau:

I. Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025:

1. Tỷ lệ trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động: 13% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Quỹ thưởng Người quản lý Công ty: 2% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, không bao gồm lợi nhuận tài chính.

2. Số liệu cụ thể:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2025 | Kết quả thực hiện năm 2025 |
|-----|---------------------------|------------|-------------------|----------------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 175.000 | 376.993 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 139.882 | 301.437 |
| 3 | Trích lập các quỹ | Triệu đồng | 34.971 | 74.869 |
| 3.1 | Quỹ đầu tư phát triển | Triệu đồng | 13.988 | 30.144 |
| 3.2 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Triệu đồng | 18.185 | 39.187 |
| 3.3 | Quỹ thưởng Người quản lý | Triệu đồng | 2.798 | 5.538 |

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2025 | Kết quả thực hiện năm 2025 |
|-----|---|------------|---------------------------|----------------------------|
| 4 | Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ | Triệu đồng | 104.911 | 226.568 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2024 chuyển sang | Triệu đồng | | 2.636 |
| 6 | Cổ tức chia năm 2025 bằng tiền | % | Tối thiểu 30%/mệnh giá CP | 49%/mệnh giá CP |
| 6.1 | Cổ tức đã tạm ứng bằng tiền | | | |
| | - Tỷ lệ tạm ứng cổ tức | % | | 30 |
| | - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm tạm ứng | Cổ phiếu | | 46.720.560 |
| | - Giá trị tạm ứng cổ tức | Triệu đồng | | 140.162 |
| 6.2 | Lợi nhuận còn lại tiếp tục chia cổ tức năm 2025 | Triệu đồng | | 89.042 |
| 6.3 | Chia cổ tức lần 2 năm 2025 bằng tiền | | | |
| | - Tỷ lệ thanh toán cổ tức đợt 2 | % | | 19 |
| | - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | Cổ phiếu | | 46.720.560 |
| | - Giá trị thanh toán cổ tức | Triệu đồng | | 88.769 |
| 7 | Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức | Triệu đồng | | 273 |

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026:

1. Tỷ lệ trích lập các quỹ:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và Người quản lý Công ty: không quá 03 tháng tiền lương thực hiện.

2. Chia cổ tức năm 2026: tối thiểu 35%/mệnh giá cổ phần.

Trên đây là tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026 của Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Xuân Đạo

Số: 06 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026.

TỜ TRÌNH

Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa
(gọi chung là Người quản lý Công ty) năm 2025, kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

I. Các căn cứ xác định tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty năm 2025, kế hoạch năm 2026:

- Bộ luật Lao động năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025;
- Đặc điểm ngành, nghề hoạt động và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

II. Phần số liệu:

1. Chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025:

1.1. Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên | Kế hoạch (đ) | Thực hiện (đ) | Tỷ lệ TH/KH |
|-----|---------------------------------------|---------------|---------------|-------------|
| 1 | Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị | 1.812.000.000 | 1.812.000.000 | 100% |
| 1.1 | Tiền lương Chủ tịch HĐQT | 1.140.000.000 | 1.140.000.000 | 100% |
| 1 | Huỳnh Xuân Đạo | 1.140.000.000 | 1.140.000.000 | 100% |
| 1.2 | Thù lao Thành viên HĐQT | 672.000.000 | 672.000.000 | 100% |
| 1 | Huỳnh Kim Vũ | 168.000.000 | 168.000.000 | 100% |
| 2 | Phan Tấn Đạt | 168.000.000 | 168.000.000 | 100% |
| 3 | Nguyễn Thanh Tùng | 81.666.667 | 81.666.667 | 100% |
| 4 | Lê Đình Vũ Long | 86.333.333 | 86.333.333 | 100% |
| 5 | Phạm Quốc Thái | 168.000.000 | 168.000.000 | 100% |
| 2 | Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát | 852.000.000 | 852.000.000 | 100% |
| 2.1 | Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát | 600.000.000 | 600.000.000 | 100% |
| 1 | Huỳnh Đường Tài | 600.000.000 | 600.000.000 | 100% |
| 2.2 | Thù lao Kiểm soát viên | 252.000.000 | 252.000.000 | 100% |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Trúc | 126.000.000 | 126.000.000 | 100% |

| STT | Họ và tên | Kế hoạch (đ) | Thực hiện (đ) | Tỷ lệ TH/KH |
|-----|--------------------|----------------------|----------------------|-------------|
| 2 | Nguyễn Thị Thu Trà | 61.250.000 | 61.250.000 | 100% |
| 3 | Lê Công Sơn | 64.750.000 | 64.750.000 | 100% |
| | Tổng | 2.664.000.000 | 2.664.000.000 | 100% |

1.2. Tiền lương của Ban điều hành (Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng):

| STT | Họ và tên | Chức danh | Kế hoạch (đ) | Thực hiện (đ) | Tỷ lệ TH/KH |
|-----|----------------------|----------------|----------------------|----------------------|-------------|
| 1 | Huỳnh Kim Vũ | Giám đốc | 960.000.000 | 960.000.000 | 100% |
| 2 | Phạm Quốc Thái | Phó Giám đốc | 840.000.000 | 840.000.000 | 100% |
| 3 | Nguyễn Hùng Thắng | Phó Giám đốc | 840.000.000 | 840.000.000 | 100% |
| 4 | Phạm Thái Hợp | Phó Giám đốc | 840.000.000 | 840.000.000 | 100% |
| 5 | Nguyễn Như Thạch | Phó Giám đốc | 840.000.000 | 840.000.000 | 100% |
| 6 | Hoàng Đăng Quốc Vĩnh | Phó Giám đốc | 840.000.000 | 840.000.000 | 100% |
| 7 | Trần Quốc Triều | Kế toán trưởng | 840.000.000 | 840.000.000 | 100% |
| | Tổng cộng | | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | 100% |

1.3. Thù lao của Người phụ trách quản trị:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Kế hoạch (đ) | Thực hiện (đ) | Tỷ lệ TH/KH |
|-----|-------------------|--------------------------|--------------|---------------|-------------|
| 1 | Nguyễn Hùng Thắng | Người phụ trách quản trị | 36.000.000 | 36.000.000 | 100% |

1.4. Quỹ thưởng Người quản lý: 2% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, không bao gồm lợi nhuận tài chính.

| STT | Nội dung | Kế hoạch (đ) | Thực hiện (đ) | Tỷ lệ TH/KH |
|-----|--------------------------|---------------|---------------|-------------|
| 1 | Quỹ thưởng Người quản lý | 2.798.000.000 | 5.538.254.027 | 198% |

2. Kế hoạch năm 2026:

2.1. Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

| STT | Nội dung | Số lượng | Kế hoạch (đ) | Ghi chú |
|----------------------|---------------------------------------|----------|----------------------|---------|
| 1 | Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị | 05 | 2.292.000.000 | |
| 1.1 | Tiền lương Chủ tịch HĐQT | 01 | 1.380.000.000 | |
| 1.2 | Thù lao Thành viên HĐQT | 04 | 912.000.000 | |
| 2 | Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát | 03 | 1.176.000.000 | |
| 2.1 | Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát | 01 | 840.000.000 | |
| 2.2 | Thù lao Kiểm soát viên | 02 | 336.000.000 | |
| Tổng 12 tháng | | | 3.468.000.000 | |

Ghi chú:

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách sẽ hưởng thù lao với mức bằng 20% tiền lương tháng của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách.

2.2. Tiền lương của Ban điều hành, thù lao của Người phụ trách quản trị: do Hội đồng quản trị phê duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Chi trả tiền lương, thù lao:

Hàng tháng, Công ty thực hiện tạm ứng lương, thù lao cho người quản lý bằng 80% tiền lương, thù lao kế hoạch; 20% còn lại sẽ được chi trả theo quyết toán thực tế khi kết thúc năm tài chính của Công ty.

Trên đây là báo cáo về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ khen thưởng của người quản lý năm 2025 và kế hoạch năm 2026. Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.





CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Số: 07 /TTr-VLXD-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét
Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (BBCC).

Nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, tính công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán sau đây để soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Chọn đơn vị kiểm toán độc lập chính thức thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty

| Tên công ty kiểm toán | Địa chỉ liên hệ |
|--------------------------------------|---|
| Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C | Số 02 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hoà, TP. Hồ Chí Minh |

2. Đơn vị kiểm toán độc lập dự phòng trong trường hợp Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C không thực hiện được soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty vì lý do bất khả kháng hoặc lý do khác mà hai bên thương lượng và không thống nhất được.

| Tên công ty kiểm toán | Địa chỉ liên hệ |
|--|---|
| Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC- Chi nhánh TP.HCM | Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, TP Hồ Chí Minh |

Đây là 02 (hai) Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Đường Tài

Số: 08 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, một số mã ngành kinh doanh của Công ty đã có sự thay đổi so với danh mục đã đăng ký trước đây. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc cập nhật, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh cho phù hợp quy định hiện hành như sau:

1. Nhóm ngành nghề kinh doanh đề nghị điều chỉnh:

| TT | Ngành nghề kinh doanh hiện hành | | Ngành kinh tế - Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg | |
|----|---|----------|---|----------|
| | Tên ngành | Mã ngành | Tên ngành | Mã ngành |
| 1 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa VLXD tại trụ sở) | 4752 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa VLXD tại trụ sở) | 4752 |
| 2 | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu | 4759 |
| 3 | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) | 9329 | Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) | 9329 |

| TT | Ngành nghề kinh doanh hiện hành | | Ngành kinh tế - Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg | |
|----|--|----------|--|----------|
| | Tên ngành | Mã ngành | Tên ngành | Mã ngành |
| 4 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa VLXD tại trụ sở) | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa VLXD tại trụ sở) | 4673 |

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục có liên quan (do điều chỉnh ngành nghề kinh doanh) với cơ quan quản lý Nhà nước có chức năng theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Xin trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

mt

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Xuân Đạo

Số: 09 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

Để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị trình xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (sửa đổi lần VII) như sau:

I. LÝ DO, MỤC ĐÍCH SỬA ĐỔI:

- Cập nhật địa chỉ trụ sở chính của Công ty phù hợp địa giới hành chính của chính quyền địa phương 02 cấp và tỉnh Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương từ ngày 30/4/2026;

- Cập nhật, bổ sung hoàn thiện bản Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa phù hợp các sửa đổi, bổ sung của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Qua đó xác định, quy định rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của cổ đông, nhóm cổ đông, hay của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty trong việc quản lý, giám sát, điều hành, kiểm tra hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo quy định của pháp luật;

- Tại một số điều, khoản, các chỉ dẫn theo Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu cụ thể hơn trong Điều lệ sửa đổi, và hoặc thay đổi chỉ dẫn nếu trong Điều lệ Công ty đã có nêu về nội dung có liên quan;

- Trong bản Điều lệ hiện hành có sử dụng tên Công ty viết tắt “BBCC” (viết tắt tên Công ty bằng tiếng Anh) ở nhiều điều, khoản. Vì vậy cần điều chỉnh lại để đảm bảo bản Điều lệ thuần tiếng Việt và thuần tiếng Anh.

II. KẾT CẤU, CHƯƠNG, ĐIỀU VÀ NỘI DUNG SỬA ĐỔI:

1. Số chương, điều của bản Điều lệ sửa đổi: không đổi so với Điều lệ hiện hành.

| Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|------------------------|------------------------|
| Gồm 21 chương, 59 điều | Gồm 21 chương, 59 điều |

2. Nội dung sửa đổi:

2.1. Nội dung sửa đổi trọng yếu:

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|--|--|
| 1 | <p>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> | <p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), <i>nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày gửi thông báo</i>, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> |
| 2 | <p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp <i>quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp</i> và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục... của Công ty;</p> | <p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp <i>Điều lệ này có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần, hoặc theo quy chế phát hành đối với từng loại cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua</i> và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục... Công ty. <i>Trường hợp cổ đông sử dụng các tài liệu, thông tin được tiếp cận, xem xét, tra cứu, trích lục nêu trên khác với mục đích thông báo ban đầu mà không có sự đồng ý của Công ty, làm ảnh hưởng đến uy tín, xâm hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác, cổ đông đó phải</i></p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|---|--|
| | | <p><i>chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty, cho các cổ đông khác về những tổn hại uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông khác theo quy định;</i></p> |
| 3 | <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> | <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; <i>kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> |
| 4 | <p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p> | <p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Sắp xếp lại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Điều lệ hiện hành thành khoản 1 Điều 15 Điều lệ sửa đổi như sau (lý do khoản 3 Điều 15 Điều lệ hiện hành đã bao trùm toàn bộ ý của khoản 2 và để chỉ dẫn tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ sửa đổi được thuận lợi, phù hợp với khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp):</i></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|---|--|
| | <p>của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> | <p>c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>i) Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>l) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông công ty;</p> <p>m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|--|-----------------|
| | <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> | |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|---|---|
| | <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> |
| 5 | <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.</p> |
| 6 | <p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến</p> | <p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>Tách khoản 1 Điều lệ hiện hành thành 02 khoản:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|---|--|
| | bằng văn bản. | 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. |
| 7 | <p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> | <p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> |
| 8 | <p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> | <p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Để đảm bảo cho việc kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng, Công ty có thể thiết kế và áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin với sự bảo</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|---|---|
| | <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> | <p><i>đảm rằng cổ đông thực hiện được việc lựa chọn phương án biểu quyết riêng cho từng vấn đề xin ý kiến thông qua tại cuộc họp. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo hoặc yêu cầu ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi kiểm phiếu biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</i></p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức công nghệ khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xây dựng thể thức họp trực tuyến trong nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật, nền tảng kỹ thuật, công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>Khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến/hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, cổ đông Công ty sau khi thực hiện xong các thủ tục đăng ký/dăng nhập đường truyền họp trực tuyến của Công ty được coi là tham gia Đại hội đồng cổ đông ở địa điểm chính của đại hội. Các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện mỗi cổ đông này phải nghe được những cổ đông khác có mặt tại đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe hoặc hiểu rõ những gì cổ đông này cho ý kiến. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.</i></p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|--|---|
| 9 | <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <i>dự họp tán thành</i>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <i>dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</i></p> | <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</i>:</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này và khoản 2 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này.</i></p> <p>Bổ sung mới khoản 3. Trừ trường hợp Quy chế bầu cử quy định khác và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị, hoặc 01 (một)</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|--|---|
| | | thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. |
| 10 | <p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</i></p> | <p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này.</i></p> |
| 11 | <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị <i>của công ty đại chúng</i> phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</p> | <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành</p> |
| 12 | <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Có 12 khoản</p> | <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Bổ sung thêm khoản 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ</p> |
| 13 | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này.....</p> | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên <i>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao</i></p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi |
|-----|---|--|
| | | <i>dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này.....</i> |
| 14 | Điều 46. Phân phối lợi nhuận 5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. | Điều 46. Phân phối lợi nhuận 5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. <i>Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền giữa kỳ cho cổ đông trên cơ sở kế hoạch cổ tức trong năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn của Công ty.</i> |

3.2. Nội dung sửa đổi khác:

Ngoài những nội dung trọng yếu nêu trên; có một số sửa đổi mang tính thể thức, thuật ngữ, sửa từ viết tắt (BBCC thành Công ty, VLXD thành vật liệu xây dựng), thay đổi chỉ dẫn (ví dụ: “nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền” thành “nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền”), ngày hiệu lực... Trong đó, các điểm thay đổi giữa Điều lệ sửa đổi lần VII và Điều lệ hiện hành được nêu cụ thể tại Phụ lục I (đính kèm).

Những điều chỉnh, sửa đổi phát sinh (nếu có) theo ý kiến và quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông đề nghị ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa được sửa đổi, bổ sung lần VII.

Xin trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Huỳnh Xuân Đạo

**PHỤ LỤC CHI TIẾT NỘI DUNG SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|--|--|
| 1 | PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số <i>01/2023/DHĐCD ngày 25 tháng 5 năm 2023</i> | PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số <i>01/2026/DHĐCD ngày 16 tháng 6 năm 2026</i> |
| 2 | CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ'NGỮ' TRONG ĐIỀU LỆ | CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ |
| 3 | Điều 1. Giải thích từ ngữ | Điều 1. Định nghĩa |
| 4 | d) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số <i>59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i> | d) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp <i>hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);</i> |
| 5 | đ) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số <i>54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i> | đ) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán <i>hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);</i> |
| 6 | h) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty; | h) <i>Người điều hành Công ty</i> là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty; |
| 7 | i) <i>Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</i> | i) <i>Người quản lý Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</i> |
| 8 | k) <i>Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</i> | k) <i>Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;</i> |
| 9 | l) <i>Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;</i> | l) <i>Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;</i> |
| 10 | l) <i>Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của</i> | m) <i>Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ</i> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|--|
| | Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa; | thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa; |
| 11 | n) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; | n) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; |
| 12 | q) <i>Các xí nghiệp, bộ phận trực thuộc</i> là đơn vị hạch toán phụ thuộc của BBCC và nằm trong cơ cấu tổ chức của BBCC. | q) <i>Các xí nghiệp, bộ phận trực thuộc</i> là đơn vị hạch toán phụ thuộc và nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty. |
| 13 | CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của BBCC 2. BBCC là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. | CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 2. Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa là một pháp nhân độc lập, Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. |
| 14 | 3. Trụ sở đăng ký của BBCC là: - Địa chỉ trụ sở chính: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai, Việt Nam. |
| 15 | 4. BBCC có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của BBCC phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. | 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. |
| 16 | CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BBCC | CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY |
| 17 | Điều 4. Mục tiêu hoạt động của BBCC | Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|
| 18 | 1. Ngành, nghề kinh doanh của BBCC là: | 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Điều lệ sửa đổi có điều chỉnh nội dung 03 nhóm ngành, nghề kinh doanh (mã ngành: 4752, 4759, 9329) và điều chỉnh mã ngành (4663 thành 4673) theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam; chi tiết vừa được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tại tờ trình về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty |
| 19 | 2. Mục tiêu hoạt động của BBCC : <input type="checkbox"/> Tối đa hóa hiệu quả hoạt động chung của toàn BBCC và các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc và Công ty liên kết; | 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty : <input type="checkbox"/> Tối đa hóa hiệu quả hoạt động chung của toàn Công ty và các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc và Công ty liên kết; |
| 20 | 3. BBCC có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho BBCC . | 3. Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty . |
| 21 | Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của BBCC BBCC được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại..... CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại..... CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP |
| | Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 2. BBCC có thể thay đổi | Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 2. Công ty có thể thay đổi |
| 23 | 3. Các cổ phần của BBCC vào ngày thông qua Điều lệ này ... | 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này ... |
| 24 | 4. BBCC có thể phát hành các loại | 4. Công ty có thể phát hành các loại |
| 25 | 5. Cổ phần phổ thông..... trong BBCC , trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông... BBCC quyết định.... | 5. Cổ phần phổ thông.... trong Công ty , trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông... Công ty quyết định.... |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|--|--|
| 26 | 6. BBCC có thể mua cổ phần do | 6. Công ty có thể mua cổ phần do |
| 27 | <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của <i>tổ chức phát hành</i>. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của <i>Công ty. Trừ trường hợp cổ phiếu được lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam</i>, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> |
| 28 | Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) | Điều 10. Thu hồi cổ phần |
| 29 | 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. | 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), <i>nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày gửi thông báo</i> , địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. |
| 30 | CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT |
| | <p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của <i>BBCC</i> bao gồm:</p> | <p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của <i>Công ty</i> bao gồm:</p> |
| 31 | CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG |
| | Điều 12. Quyền của cổ đông | Điều 12. Quyền của cổ đông |
| | <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp <i>quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127</i></p> | <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp <i>Điều lệ này có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ</i></p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|--|
| | <i>Luật Doanh nghiệp</i> và quy định khác của pháp luật có liên quan; | <i>phần, hoặc theo quy chế phát hành đối với từng loại cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua</i> và quy định khác của pháp luật có liên quan; |
| 32 | <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục... của Công ty;</p> | <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục... Công ty. <i>Trường hợp cổ đông sử dụng các tài liệu, thông tin được tiếp cận, xem xét, tra cứu, trích lục nêu trên khác với mục đích thông báo ban đầu mà không có sự đồng ý của Công ty, làm ảnh hưởng đến uy tín, xâm hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác, cổ đông đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty, cho các cổ đông khác về những tổn hại uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông khác theo quy định;</i></p> |
| 33 | <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. <i>Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì</i> việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> | <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> |
| 34 | <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> | <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; <i>kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài</i></p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|
| 35 | <p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận;</p> | <p><i>liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>i) Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>l) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông công ty;</p> <p>m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|--|---|
| | <p>quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bất miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> | <p>o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bất miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> |
| 36 | <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> | |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|
| | <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> | |
| 37 | <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> |
| 38 | <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc</p> | <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|--|
| | một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. | <p>nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.</p> |
| 39 | <p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành trong trường hợp tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp.....</p> <p>3. Thủ tục tiến hành ...</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành</p> | <p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành trong trường hợp tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>3. Việc tổ chức cuộc họp.....</p> <p>4. Thủ tục tiến hành...</p> <p>5. Trừ khi các điều khoản phát hành</p> |
| | Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|--|---|
| 40 | <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> | <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> |
| 41 | <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> | <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> |
| 42 | <p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp..... quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> | <p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp..... quyết định. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|
| 43 | <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> | <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Để đảm bảo cho việc kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng, Công ty có thể thiết kế và áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin với sự bảo đảm rằng cổ đông thực hiện được việc lựa chọn phương án biểu quyết riêng cho từng vấn đề xin ý kiến thông qua tại cuộc họp. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo hoặc yêu cầu ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi kiểm phiếu biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> |
| 44 | <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức công nghệ khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xây dựng thể thức họp trực tuyến trong nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật, nên tăng kỹ thuật, công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</p> <p>Khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến/hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, cổ đông Công ty sau khi thực hiện xong các thủ tục đăng ký/dăng nhập đường truyền họp trực tuyến của Công ty được coi là tham gia Đại hội đồng cổ đông ở địa điểm chính của đại hội. Các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện mỗi cổ đông này phải nghe được những cổ đông khác có mặt tại đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe hoặc hiểu rõ những gì cổ đông đang nói với việc đích</p> | <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức công nghệ khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xây dựng thể thức họp trực tuyến trong nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật, nên tăng kỹ thuật, công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.</p> <p>Khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến/hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, cổ đông Công ty sau khi thực hiện xong các thủ tục đăng ký/dăng nhập đường truyền họp trực tuyến của Công ty được coi là tham gia Đại hội đồng cổ đông ở địa điểm chính của đại hội. Các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện mỗi cổ đông này phải nghe được những cổ đông khác có mặt tại đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe hoặc hiểu rõ những gì cổ đông đang nói với việc đích</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|--|--|
| | | <i>thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.</i> |
| 45 | <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <i>dự họp tán thành</i>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <i>dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</i></p> | <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</i>:</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này và khoản 2 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này.</i></p> |
| 47 | | <p>3. Trừ trường hợp Quy chế bầu cử quy định khác và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trưởng hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị, hoặc</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|--|---|
| 48 | 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. | 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. |
| 49 | <p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này.</p> |
| 50 | <p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ...nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp..., trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> | <p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ.... nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp..., trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> |
| 51 | <p>CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên...</p> | <p>CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên...</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|
| | <p>e) Các thông tin khác (nếu có) <i>theo quy định tại Điều lệ công ty</i>;</p> <p>g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới BBCC của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> | <p>e) Các thông tin khác (nếu có);</p> <p>g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> |
| 52 | <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo <i>quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</i>, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm.....</p> | <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo <i>quy định tại Điều lệ Công ty</i>, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm.....</p> |
| 53 | <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</p> | <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành</p> |
| 54 | <p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> | <p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành.</p> |
| 55 | <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Có 12 khoản</p> | <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Bổ sung thêm khoản:</p> <p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|
| | | <i>giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</i> |
| | CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC |
| 56 | Điều 34. Người điều hành Công ty | Điều 34. Người điều hành Công ty |
| | 1. Người điều hành BBCC bao gồm | 1. Người điều hành Công ty bao gồm |
| 57 | 2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, BBCC được | 2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được |
| 58 | Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty | Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty |
| 59 | 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc BBCC. | 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty. |
| 60 | CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT | CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT |
| | Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát | Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát |
| | 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: | 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: <i>Bổ sung điểm c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông.</i> |
| 61 | Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát | Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát |
| | 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. | 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định <i>pháp luật hiện hành.</i> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|--|
| 62 | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này.....</p> | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên <i>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này.....</p> |
| 63 | <p>CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 46. Phân phối lợi nhuận</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> | <p>CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 46. Phân phối lợi nhuận</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p><i>Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền giữa kỳ cho cổ đông trên cơ sở kế hoạch cổ tức trong năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn của Công ty.</i></p> |
| 64 | <p>CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN</p> <p>Điều 48. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. <i>Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</i></p> | <p>CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN</p> <p>Điều 48. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p> |

| STT | Điều lệ hiện hành | Đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|
| 65 | CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC | CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC |
| | Điều 59. Ngày hiệu lực | Điều 59. Ngày hiệu lực |
| | 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhất trí thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. | 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhất trí thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. |
| 66 | 2. Điều lệ được lập thành 10 bản , có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | 2. Điều lệ được lập thành 05 bản , có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. |

Số: 10 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

Để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị trình xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa như sau:

I. LÝ DO, MỤC ĐÍCH SỬA ĐỔI

Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa phù hợp các sửa đổi, bổ sung của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và theo Điều lệ sửa đổi lần VII.

II. KẾT CẤU, CHƯƠNG, ĐIỀU VÀ NỘI DUNG SỬA ĐỔI:

1. Về cấu trúc:

Số chương, điều của bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty: gồm 10 chương, 69 điều, không đổi so với Quy chế hiện hành.

2. Về nội dung sửa đổi:

Toàn bộ nội dung của các chương về: “Đại hội đồng cổ đông”, “Hội đồng quản trị”, “Ban kiểm soát” trong dự thảo Quy chế đều được sửa đổi, trích dẫn từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hiện hành và Điều lệ Công ty.

Trong bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty nêu cụ thể, chi tiết hơn về trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Các điểm thay đổi giữa Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung và Quy chế hiện hành được nêu cụ thể tại Phụ lục (đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Xin trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC *mm*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Xuân Đạo

PHỤ LỤC: SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|----------|---|---|
| 1 | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021;</p> | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026;</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|--|
| 2 | <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>1...</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a)...</p> <p>b) Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại Luật Khoán 1 Điều 32 Luật Chứng khoán;</p> <p>c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g) Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;</p> <p>h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần</p> | <p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p> <p>1...</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a)...</p> <p>b) Công ty đại chúng là công ty cổ phần được quy định tại Luật Chứng khoán;</p> <p>c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);</p> <p>d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);</p> <p>đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g) Người điều hành Công ty là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;</p> <p>h) Người quản lý Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;</p> <p>k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|---|
| | <p>của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;</p> <p>l) <i>Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;</i></p> <p>m) <i>Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</i></p> <p>n) <i>Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.</i></p> <p>o) <i>Các Xí nghiệp, Bộ phận trực thuộc là đơn vị hạch toán phụ thuộc của BBCC và nằm trong cơ cấu tổ chức của BBCC.</i></p> | <p>Hòa;</p> <p>l) <i>Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;</i></p> <p>m) <i>Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</i></p> <p>n) <i>Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.</i></p> <p>o) <i>Các xí nghiệp, bộ phận trực thuộc là đơn vị hạch toán phụ thuộc và nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty.</i></p> |
| 3 | <p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên</p> | <p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>i) Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|--|
| | <p>BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bất miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> | <p>k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>l) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông công ty;</p> <p>m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bất miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> |
| 4 | <p>Điều 4. Thăm quyền triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</p> | <p>Điều 4. Thăm quyền triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|---|
| 5 | <p>Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.</p> <p>.....</p> | <p>Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.</p> <p>.....</p> |
| 6 | <p>Điều 11. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> | <p>Điều 11. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|--|
| 7 | <p>Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty; b) Định hướng phát triển Công ty; c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT; đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể Công ty. | <p>Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty. |
| 8 | <p>Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ</p> <p>1. Việc bỏ phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ Công ty được thực hiện theo một, hoặc một số cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Biểu quyết, bầu chọn (danh sách Đoàn chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu,...) bằng cách giơ thẻ biểu quyết; b) Biểu quyết, bầu cử bằng cách bỏ phiếu biểu quyết, phiếu bầu trực tiếp vào thùng phiếu tại ĐHĐCĐ; c) Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. | <p>Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ</p> <p>1. Việc bỏ phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ Công ty được thực hiện theo một, hoặc một số cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Biểu quyết, bầu chọn (danh sách Đoàn chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu,...) bằng cách giơ thẻ biểu quyết; b) Biểu quyết, bầu cử bằng cách bỏ phiếu biểu quyết, phiếu bầu trực tiếp vào thùng phiếu tại ĐHĐCĐ; c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|---|
| 9 | <p>Điều 14. Cách thức kiểm phiếu Có 02 khoản</p> | <p>Điều 14. Cách thức kiểm phiếu Bổ sung thêm khoản 3. Để đảm bảo cho việc kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng, Công ty có thể thiết kế và áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin (bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) với sự bảo đảm rằng cổ đông thực hiện được việc lựa chọn phương án biểu quyết riêng cho từng vấn đề xin ý kiến thông qua tại cuộc họp. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo hoặc yêu cầu ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi kiểm phiếu biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> |
| 10 | <p>Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Quy chế này và khoản 2 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ Công ty. 3. Trừ trường hợp Quy chế bầu cử quy định khác và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|--|
| | <p>3. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> | <p>cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị, hoặc 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|--|
| 11 | <p>Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> | <p>Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty</i>;</p> <p>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> |
| 12 | <p>Điều 21. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <p>1. Việc tổ chức ĐHĐCĐ Công ty có thể được thực hiện thông qua hình thức hội nghị trực tuyến. Khi thực hiện bằng hình thức này, Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền, hoặc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội, cùng việc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến. Công ty có gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông thảo luận, bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.</p> | <p>Điều 21. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <p>Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến bao gồm các nội dung sau:</p> <p>1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến</p> <p>a) Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ theo Điều 18 Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 6 Quy chế này.</p> <p>c) Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Quy chế này. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến.</p> <p>2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến</p> <p>Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại thông báo</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|--|
| | <p>2. Khi thực hiện ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, Công ty ban hành Quy chế ĐHĐCĐ trực tuyến phù hợp tại mỗi kỳ Đại hội (nếu có).</p> | <p>mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm:</p> <p>a) Điều kiện tham gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty. - Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>b) Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).</p> <p>c) Cách thức ghi nhận cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đó truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo khoản 3 Điều này và đã thực hiện biểu quyết trên hệ thống trực tuyến để xác nhận tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.</p> <p>3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử</p> <p>a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.</p> <p>b) Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--------------------|---|
| | | <p>thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.</p> <p>c) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.</p> <p>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến</p> <p>a) Cổ đông thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông phải cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện việc ủy quyền trực tuyến, đặc biệt là cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền. - Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành việc ủy quyền trực tuyến. + Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. + Công ty nhận được bản chính Giấy ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp. - Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--------------------|---|
| | | <p>tuyển cho Công ty trước khi khai mạc cuộc họp. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hủy bỏ việc ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến. <p>5. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định Điều 19 Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến</p> <p>a) Nguyên tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung, chương trình họp ĐHĐCĐ; - Chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới được tham gia thảo luận; - Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông muốn thảo luận phải đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của cuộc họp; - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển đến cho Chủ tọa. <p>b) Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông; - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau. <p>7. Cách thức bỏ phiếu điện tử</p> <p>a) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông chọn lựa một trong |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--------------------|---|
| | | <p>ba phương án biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả. <p>b) Cách thức bỏ phiếu bầu cử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ điều lệ Công ty việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (“Bầu dồn đều” hoặc “Bầu ghi số”). Theo đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách chọn vào ô “Bầu dồn đều” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên phiếu bầu cử đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả. - Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại điểm a khoản 7 Điều này. c) Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện hết các nội dung biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp thì các nội dung chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung đó; - Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình họp đã gửi, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung phát sinh đó; - Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bỏ sung những nội |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--------------------|---|
| | | <p>dung phát sinh ngoài chương trình hợp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của cuộc họp;</p> <p>- Trong trường hợp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện bầu ghi số: phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có quyền bầu.</p> <p>- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc của cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.</p> <p>8. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến</p> <p>a) Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.</p> <p>b) Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử và có đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.</p> <p>9. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 8 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>10. Biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến và hình thức thông qua</p> <p>a) Việc ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--------------------|---|
| | | <p>quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>c) Hình thức thông qua biên bản họp ĐHĐCĐ được quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp ĐHĐCĐ.</p> <p>11. Hình thức thông qua Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến do Hội đồng quản trị lựa chọn một trong hai phương án sau và được quy định tại quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến:</p> <p>a) Thực hiện bằng cách bỏ phiếu điện tử theo khoản 7 Điều này.</p> <p>b) Hoặc hình thức khác do quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến quy định.</p> <p>12. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 23 Điều lệ Công ty.</p> <p>13. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.</p> <p>14. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng</p> <p>a) Trong thời gian ĐHĐCĐ họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành cuộc họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, các yêu cầu hay chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền,...</p> <p>b) Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|---|
| 13 | <p>Điều 22. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p> <p>Thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.</p> | <p>hủy bỏ. Các nội dung này sẽ được biểu quyết lại trong cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập gần nhất.</p> <p>Điều 22. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p> <p>Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến <ol style="list-style-type: none"> a) Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo Điều 18 Điều lệ Công ty. b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 6 Quy chế này. c) Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Quy chế này. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến. 2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến <ol style="list-style-type: none"> a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo Điều 10 Quy chế này; b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 2 Điều 21 Quy chế này. 3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (áp dụng với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến) theo khoản 3 Điều 21 Quy chế này. 4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến: <ol style="list-style-type: none"> a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo Điều 9 Quy chế này; |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--------------------|---|
| | | <p>b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Quy chế này.</p> <p>5. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định Điều 19 Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo khoản 6 Điều 21 Quy chế này.</p> <p>7. Cách thức bỏ phiếu</p> <p>a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 13 Quy chế này;</p> <p>b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 7 Điều 21 Quy chế này.</p> <p>8. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo khoản 1 và 2 Điều 14 Quy chế này;</p> <p>b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 8 Điều 21 Quy chế này.</p> <p>9. Thông báo kết quả kiểm phiếu: căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 8 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.</p> <p>a) Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp ĐHĐCĐ là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>b) Hình thức thông qua biên bản họp ĐHĐCĐ được quy định</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|---|
| | | <p>cụ thể tại quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>11. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo Điều 14 Quy chế này;</p> <p>b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 11 Điều 21 Quy chế này.</p> <p>12. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 23 Điều lệ Công ty.</p> |
| 14 | <p>Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</p> <p>2. HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> | <p>Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</p> <p>2. HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;</p> <p>s) Thực hiện chỉ trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</p> <p>t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo pháp luật hiện hành.</p> |
| 15 | <p>Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT</p> <p>1. Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành</p> | <p>Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT</p> <p>1. Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|--|
| | <p>của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.</p> <p>2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác.</p> | <p>tính độc lập của HĐQT.</p> <p>2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Thành viên HĐQT Công ty được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p> |
| 16 | <p>Điều 26. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT</p> <p>2.Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm....</p> | <p>Điều 26. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm...</p> |
| 17 | <p>Điều 27. Cách thức bầu thành viên HĐQT</p> | <p>Điều 27. Cách thức bầu thành viên HĐQT</p> <p>Bổ sung:</p> <p>Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|---|
| 18 | <p>Điều 41. Lập biên bản họp HĐQT</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.</p> | <p>Điều 41. Lập biên bản họp HĐQT</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</i></p> |
| 19 | <p>Điều 49. Cách thức bầu thành viên BKS</p> | <p>Điều 49. Cách thức bầu thành viên BKS</p> <p>Bổ sung:</p> <p>Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> |
| 20 | <p>Điều 54. Giám đốc Công ty</p> <p>1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Giám đốc BBCC. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của BBCC; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> | <p>Điều 54. Giám đốc Công ty</p> <p>1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|--|
| 21 | <p>Điều 69. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 10 chương 69 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2021.</p> | <p>Điều 69. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 10 chương 69 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2026.</p> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 11 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

Để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị trình xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (phụ lục điều chỉnh đính kèm).

Xin trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

Truy

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Xuân Đạo

**PHỤ LỤC: SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA**

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|----------|--|---|
| 1 | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHCD ngày 16 tháng 6 năm 2021;</p> | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/ 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/ 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026;</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|---|
| 2 | <p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b)</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> | <p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b)</p> <p>c) Thành viên HĐQT Công ty được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p> |
| 3 | <p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1....</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm....</p> <p>3....</p> <p>4.....</p> | <p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1....</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm....</p> <p>3.....</p> <p>Bổ sung:</p> <p>Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4.....</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|--|
| 4 | <p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>.....</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>g).....</p> <p>2.....</p> | <p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>.....</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có);</p> <p>g).....</p> <p>2.....</p> |
| 5 | <p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>.....</p> <p>q).....</p> | <p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>.....</p> <p>q).....</p> <p>r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|---|
| | <p>r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> | <p>s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</p> <p>t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> |
| 6 | <p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1.....</p> <p>.....</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>.....</p> | <p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1.....</p> <p>.....</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>.....</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|---|
| 7 | <p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Có 12 khoản</p> | <p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Bổ sung thêm khoản:</p> <p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> |
| 8 | <p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> | <p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>.....</p> |
| 9 | <p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2021./.</p> | <p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2026./.</p> |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Số: 42 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

Để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trình xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (phụ lục điều chỉnh đính kèm).

Xin trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát (b/c);
- Lưu: VT, TC.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Huỳnh Đường Tài

**PHỤ LỤC: SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA**

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|---|
| 1 | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021;</p> | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026;</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|---|---|
| 2 | <p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp</p> | <p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;</p> |
| 3 | <p>Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1....</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm</p> | <p>Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1....</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm....</p> |
| 4 | <p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát</p> <p>2.....</p> | <p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2.....</p> <p>Bổ sung:</p> <p>Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> |

| STT | NỘI DUNG HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG |
|-----|--|--|
| 5 | <p>Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1.....</p> <p>.....</p> <p>b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;</p> | <p>Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1.....</p> <p>.....</p> <p>b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc cổ đông định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>.....</p> |
| 6 | <p>Điều 22. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2021./.</p> | <p>Điều 22. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2026./.</p> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA**



Số: 13/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm thành viên
Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

Căn cứ đơn xin từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Thanh Trúc- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhiệm kỳ 2025- 2030;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030 đối với bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Đường Tài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Ban kiểm soát Công ty;

- Hội đồng quản trị Công ty;

- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

- Tôi tên: Nguyễn Thị Thanh Trúc

- CCCD số: 074184004925 Ngày cấp: 09/09/2024 Nơi cấp: Bộ Công an

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

- Nhiệm kỳ: 2025 - 2030

Nay tôi làm đơn này gửi đến Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm, không tham gia vào Ban kiểm soát Công ty, bắt đầu ngay khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa tổ chức thành công và thông qua Nghị quyết, dự kiến vào ngày 16/6/2026.

- Lý do: Việc riêng cá nhân, không thể tiếp tục tham gia Ban kiểm soát Công ty.

Kính mong Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng./.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 05 năm 2026.

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Nguyễn Thị Thanh Trúc

Đồng Nai ngày 16 tháng 6 năm 2026

ĐƯ THẢO

QUY CHẾ

ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA (Nhiệm kỳ 2025 – 2030)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản Xuất VLXD Biên Hòa;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Hội đồng quản trị Công ty xây dựng Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Sản Xuất VLXD Biên Hòa như sau:

I. Từ ngữ viết tắt:

- Công ty: Công ty Cổ phần Xây Dựng và Sản Xuất VLXD Biên Hòa
- Đại biểu: Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể như sau:

- Giới thiệu danh sách ứng cử, đề cử vào Ban kiểm soát.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu cử: 01 người.
2. Nhiệm kỳ: 2025- 2030.
3. Số lượng ứng viên Ban kiểm soát tối đa: Không hạn chế.
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định tại Quy chế làm việc tại Đại Hội đồng cổ đông.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử, đề cử vào Ban kiểm soát.

V. Quy định đề cử thành viên Ban kiểm soát:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

VI. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử:

1. Hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử vào Ban kiểm soát (*theo mẫu*)
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (*theo mẫu*)
- Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Căn cước/Hộ chiếu
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (*nếu có*)
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện ứng cử, đề cử theo Quy chế này quy định.

Người ứng cử, đề cử vào Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ của mình.

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa tại địa chỉ: www.bbcc.com.vn)

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội và công bố thông tin theo quy định, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 16h30 ngày 05/06/2026.

Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố 3, Phường Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358

Fax: (251) 3859917

Website: www.bbcc.com.vn

Liên hệ: Ông Nguyễn Hoàn Vũ

ĐTDD: 0918928083

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên:

- Dựa vào hồ sơ ứng cử, đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Ban tổ chức (hoặc Thư ký Đại hội) sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

- Danh sách ứng cử viên được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó, mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Mỗi Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).

IX. Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu bầu cử được Công ty cung cấp cho Đại biểu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Cách ghi phiếu bầu:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.

- Đại biểu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên cần bầu, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

- Trong trường hợp có sự sai sót, Đại biểu có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử). Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc tại Đại hội.

X. Kiểm phiếu

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Đoàn chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Đại biểu (nếu có).

XI. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

XII. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa kết thúc.

Trên đây là Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

Xin trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Xuân Đạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-BKS

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung
01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

Căn cứ đơn xin từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Thanh Trúc và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thống nhất miễn nhiệm, cho bà Nguyễn Thị Thanh Trúc thôi giữ nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhiệm kỳ 2025- 2030;

Căn cứ danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng viên để bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030 gồm:

.....

.....

.....

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Người đại diện vốn TCT;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, TC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Đường Tài





Số 01/2026/ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 16 tháng 6 năm 2026.

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16/6/2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ Phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội nhất trí thông qua các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Nội dung 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; kế hoạch hoạt động năm 2026.

Nội dung 3: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.

Nội dung 4: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026 như sau:

5.1. Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025:

| ST T | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2025 | Kết quả thực hiện năm 2025 |
|---------|---------------------------|------------|----------------------|----------------------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 175.000 | 376.993 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 139.882 | 301.437 |
| 3 | Trích lập các quỹ | Triệu đồng | 34.971 | 74.869 |
| 3.1 | Quỹ đầu tư phát triển | Triệu đồng | 13.988 | 30.144 |
| 3.2 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Triệu đồng | 18.185 | 39.187 |
| 3.3 | Quỹ thưởng Người quản lý | Triệu đồng | 2.798 | 5.538 |

| ST T | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2025 | Kết quả thực hiện năm 2025 |
|---------|---|------------|---------------------------|----------------------------------|
| 4 | Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ | Triệu đồng | 104.911 | 226.568 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2024 chuyển sang | Triệu đồng | | 2.636 |
| 6 | Cổ tức chia năm 2025 bằng tiền | % | Tối thiểu 30%/mệnh giá CP | 49%/mệnh giá CP |
| 6.1 | Cổ tức đã tạm ứng bằng tiền | | | |
| | - Tỷ lệ tạm ứng cổ tức | % | | 30 |
| | - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm tạm ứng | Cổ phiếu | | 46.720.560 |
| | - Giá trị tạm ứng cổ tức | Triệu đồng | | 140.162 |
| 6.2 | Lợi nhuận còn lại tiếp tục chia cổ tức năm 2025 | Triệu đồng | | 89.042 |
| 6.3 | Chia cổ tức lần 2 năm 2025 bằng tiền | | | |
| | - Tỷ lệ thanh toán cổ tức đợt 2 | % | | 19 |
| | - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | Cổ phiếu | | 46.720.560 |
| | - Giá trị thanh toán cổ tức | Triệu đồng | | 88.769 |
| 7 | Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức | Triệu đồng | | 273 |

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026:

- Tỷ lệ trích lập các quỹ:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và Người quản lý Công ty: không quá 03 tháng tiền lương thực hiện.

- Chia cổ tức năm 2026: tối thiểu 35%/mệnh giá cổ phần.

Nội dung 6: Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của Người quản lý Công ty và kế hoạch năm 2026.

Nội dung 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Nội dung 8: Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Nội dung 9: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Nội dung 10: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Nội dung 11: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Nội dung 12: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Nội dung 13: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 đối với bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

Nội dung 14: Bầu cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

- Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030.

- Thông qua danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030.

- Qua kết quả bầu cử tại Đại hội, ông/bà đã trúng cử vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2025- 2030.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 giao cho Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa triển khai, giám sát và tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết này với trách nhiệm và kết quả tốt nhất vì lợi ích chung của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCKNN, HNX (b/c);
- Hội đồng quản trị, BKS;
- Ban Điều hành;
- Thư ký Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA**

Huỳnh Xuân Đạo



BBCC



CTCP XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXB BIÊN HÒA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

THÔNG BÁO THÔNG TIN ĐĂNG NHẬP MÃ ĐẠI BIỂU: VLB.000...

Kính gửi Quý đại biểu:

CTCP XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA trân trọng gửi đến Quý đại biểu thông tin đăng nhập để tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được tổ chức vào 08:00, 16/06/2026 tại K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai như sau:

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: phiếu biểu quyết

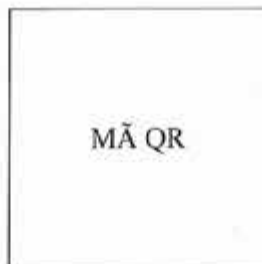
Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: phiếu biểu quyết

HƯỚNG DẪN ĐĂNG NHẬP

Quý đại biểu vui lòng đăng nhập vào hệ thống điện tử theo một trong hai cách sau:

Cách 1: Quét QR Code đăng nhập dưới đây:



Cách 2: Truy cập trực tiếp vào hệ thống EzGSM tại địa chỉ: <https://ezgsm.fpts.com.vn> và đăng nhập bằng Tên đăng nhập và Mật khẩu dưới đây:

Tên đăng nhập:

Mật khẩu:

Sau khi đăng nhập thành công, Quý đại biểu thực hiện tham dự và bỏ phiếu điện tử trên hệ thống.

Lưu ý: Quý đại biểu chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập nêu trên để đảm bảo chỉ có đại biểu mới có quyền sử dụng Thông tin đăng nhập để tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống.

Trân trọng cảm ơn!



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: VLB.000...

MẤU

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

| NỘI DUNG | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
|--|-----------|-----------------|-----------------|
| Nội dung 01: Báo cáo của Ban điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026. | | | |
| Nội dung 02: Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026. | | | |
| Nội dung 03: Báo cáo về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025. | | | |
| Nội dung 04: Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025. | | | |
| Nội dung 05: Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026. | | | |
| Nội dung 06: Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty (HĐQT, BKS, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị công ty) năm 2025, kế hoạch năm 2026. | | | |
| Nội dung 07: Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC Công ty năm 2026. | | | |
| Nội dung 08: Tờ trình về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. | | | |

| NỘI DUNG | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
|---|----------------------|----------------------------|----------------------------|
| Nội dung 09: Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. | | | |
| Nội dung 10: Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. | | | |
| Nội dung 11: Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. | | | |
| Nội dung 12: Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa. | | | |

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn “(X)” hoặc “(✓)” vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày ... tháng 06 năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

BBCC



MẪU

PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT
MÃ ĐẠI BIỂU: VLB.000...

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu bầu: ... phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 -2030 như sau:

| STT | Họ và tên ứng viên | Bầu dồn đều phiếu | Số phiếu bầu |
|-----|--------------------|-------------------|--------------|
| 1 | F | | |
| 2 | G | | |
| 3 | H | | |

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (01 người)
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Ngày ... tháng 06 năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917 Website: www.bbcc.com.vn



GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 – 2030

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Tôi tên là:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa cho tôi được tự đề cử làm ứng cử viên tham gia bổ sung Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Kiểm soát viên tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CCCD/Căn cước/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ chuyên môn.

....., ngày ... tháng ... năm

Người tự đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917 Website: www.bbcc.com.vn

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Áp dụng cho cổ đông)



Kính gửi: Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Họ tên cổ đông:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GĐKDN số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026): cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa cho tôi đề cử:

1. Ông/Bà:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

2. Ông/Bà:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

3. Ông/Bà:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 **Fax:** (0251) 3859917 **Website:** www.bbcc.com.vn

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia bổ sung Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CCCD/Căn cước/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng năm

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 Fax: (0251) 3859917 Website: www.bbcc.com.vn

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Áp dụng cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

Người đại diện nhóm cổ đông:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026) của nhóm cổ đông: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa cho chúng tôi đề cử:

1. Ông/Bà:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

2. Ông/Bà:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

3. Ông/Bà:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP. Bửu Hòa 3, P. Biên Hòa, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3859358 **Fax:** (0251) 3859917 **Website:** www.bbcc.com.vn

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

Làm ứng cử viên tham gia bổ sung Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CCCD/Căn cước/Hộ chiếu
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng năm

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN HỢP NHÓM

ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA NHIỆM KỲ 2025 – 2030

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa.
- Căn cứ Quy định đề cử Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Hôm nay, ngày/...../....., tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa, cùng nhau nắm giữcổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

| STT | Tên Cổ đông | CCCD/ CĂN CƯỚC/ HỘ CHIẾU/ĐKDN | Địa chỉ | Số CP sở hữu | Ký và ghi rõ họ tên |
|-----|------------------|-------------------------------------|---------|-----------------|------------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| ... | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | |

Chúng tôi cùng nhất trí cử:

Ông/Bà:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử ứng cử viên vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia bổ sung vào Ban kiểm soát:

1. Ông/Bà:
CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: (cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
2. Ông/Bà:
CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: (cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
3. Ông/Bà:
CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: (cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /.../..... tại

....., ngày..... tháng năm

Người được đề cử đại diện nhóm

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-000-

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Về việc xác nhận sở hữu cổ phần



Kính gửi: Công ty Cổ phần chứng khoán.....

Họ tên chủ tài khoản:

CCCD/Căn cước/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Mã chứng khoán:.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đề nghị Công ty cổ phần xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng năm 2026

Chủ tài khoản

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH



| | |
|--|--|
| 1/ Họ và tên: | |
| 2/ Giới tính: | |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | |
| 4/ Nơi sinh: | |
| 5/ Số CCCD/Căn cước: | |
| Ngày cấp: | |
| Nơi cấp: | |
| 6/ Quốc tịch: | |
| 7/ Dân tộc: | |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | |
| 9/ Số điện thoại : | |
| 10/ Địa chỉ email: | |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | |
| 12/ Quá trình công tác: | + Từ ... đến ... : + Từ ... đến ... : |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | |
| | |
| | |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 15/5/2026) + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): + Cá nhân sở hữu: | cổ phần, chiếm% vốn điều lệ cổ phần, chiếm% vốn điều lệ |
| 15/Các cam kết nắm giữ (nếu có) | |

| | |
|--|-----------------|
| 16/Danh sách những người có liên quan: | <i>Đính kèm</i> |
|--|-----------------|

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2026

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN¹

| STT | Tên cá nhân/ tổ chức | Số tài khoản giao dịch (nếu có) | Quan hệ | Giới tính | Địa chỉ | Số CCCD/CC/ Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần sở hữu | Điện thoại | Quốc tịch |
|-----|----------------------|---------------------------------|---------|-----------|---------|----------------------|----------|---------|-------------------------|------------|-----------|
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

....., ngày, tháng năm 2026

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

¹ Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định “Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

(Sửa đổi, bổ sung lần VII)

Đồng Nai, tháng 6/2026

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 3 |
| CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 3 |
| Điều 1. Định nghĩa | 3 |
| CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | 4 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty | 4 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty | 5 |
| CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 5 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty | 5 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty | 6 |
| CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 7 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập | 7 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu | 7 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác | 8 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần..... | 8 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần | 8 |
| CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 9 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát..... | 9 |
| CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 9 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông..... | 9 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông..... | 11 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông | 11 |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông | 13 |
| Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông..... | 14 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền | 14 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.. | 15 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông..... | 17 |
| Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua..... | 19 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông..... | 20 |
| Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 22 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 23 |
| CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 23 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị | 23 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị | 24 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 24 |
| Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .. | 26 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị | 27 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị | 29 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty | 29 |
| CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 30 |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý | 30 |
| Điều 34. Người điều hành Công ty..... | 30 |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty..... | 30 |
| CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT | 31 |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)..... | 31 |
| Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát..... | 31 |
| Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát | 32 |
| Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát | 32 |
| Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát..... | 33 |
| Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát..... | 33 |
| CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 33 |
| Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 34 |
| Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 35 |
| CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY | 35 |
| Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ..... | 35 |
| CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN | 36 |
| Điều 45. Công nhân viên và công đoàn | 36 |
| CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN | 36 |
| Điều 46. Phân phối lợi nhuận..... | 36 |
| CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN | 37 |
| Điều 47. Tài khoản ngân hàng | 37 |
| Điều 48. Năm tài chính | 37 |
| Điều 49. Chế độ kế toán..... | 37 |
| CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN | 37 |
| Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý..... | 37 |
| Điều 51. Báo cáo thường niên..... | 38 |
| CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY | 38 |
| Điều 52. Kiểm toán..... | 38 |
| CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP | 38 |
| Điều 53. Dấu của doanh nghiệp | 38 |
| CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY | 38 |
| Điều 54. Giải thể công ty | 38 |
| Điều 55. Gia hạn hoạt động | 39 |
| Điều 56. Thanh lý | 39 |
| CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ | 40 |
| Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 40 |
| CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ | 40 |
| Điều 58. Điều lệ Công ty | 40 |
| CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC | 40 |
| Điều 59. Ngày hiệu lực | 40 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Công ty* hoặc *BBCC* là Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa

b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

đ) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) *Người điều hành Công ty* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

i) *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;

m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;

n) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của

Công ty thông qua;

p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

q) *Các xí nghiệp, bộ phận trực thuộc* là đơn vị hạch toán phụ thuộc và nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

**BIEN HOA BUILDING MATERIALS PRODUCTION AND
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

- Tên giao dịch:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

- Tên Công ty viết tắt: **BBCC**

2. Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa là một pháp nhân độc lập, Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

- Điện thoại: (0251) 3859358

- Fax: (0251) 3859917

- E-mail: congybbcc@gmail.com

- Website: www.bbcc.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Giám đốc Công ty.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- ☐ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ☐ Xây dựng công trình đường bộ;
- ☐ Đại lý: đại lý vật liệu xây dựng;
- ☐ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- ☐ Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ☐ Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;
- ☐ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- ☐ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại;
- ☐ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ☐ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- ☐ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ☐ Bốc xếp hàng hóa;
- ☐ Cho thuê xe có động cơ: cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển);
- ☐ Hoạt động vui chơi giải trí khác: kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- ☐ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

- ☐ Xây dựng nhà để ở;
- ☐ Xây dựng nhà không để ở;
- ☐ Xây dựng công trình thủy;
- ☐ Xây dựng công trình khai khoáng;
- ☐ Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- ☐ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ☐ Xây dựng công trình đường sắt;
- ☐ Xây dựng công trình điện;
- ☐ Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- ☐ Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- ☐ Xây dựng công trình công ích khác;
- ☐ Phá dỡ;
- ☐ Chuẩn bị mặt bằng;
- ☐ Lắp đặt hệ thống điện;
- ☐ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- ☐ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- ☐ Hoàn thiện công trình xây dựng;
- ☐ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- ☐ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- ☐ Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào BBCC, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- ☐ Tối đa hóa hiệu quả hoạt động chung của toàn Công ty và các Xí nghiệp, bộ phận trực thuộc và Công ty liên kết;
- ☐ Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu ở Đồng Nai về lĩnh vực khai thác đá xây dựng.

3. Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **469.216.000.000 đồng** (bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi chín tỷ hai trăm mười sáu triệu đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 46.921.600 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Trừ trường hợp cổ phiếu được lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc Công ty.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp Điều lệ này có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần, hoặc theo quy chế phát hành đối với từng loại cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Trường hợp cổ đông sử dụng các tài liệu, thông tin được tiếp cận, xem xét, tra cứu, trích lục nêu trên khác với mục đích thông báo ban đầu mà không có sự đồng ý của Công ty, làm ảnh hưởng đến uy tín, xâm hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác, cổ đông đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty, cho các cổ đông khác về những tổn hại uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông khác theo quy định;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số

ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định

gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c

khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- i) Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- l) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông công ty;
- m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó

trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

4. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

5. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên

trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Để đảm bảo cho việc kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng, Công ty có thể thiết kế và áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin với sự bảo đảm rằng cổ đông thực hiện được việc lựa chọn phương án biểu quyết riêng cho từng vấn đề xin ý kiến thông qua tại cuộc họp. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo hoặc yêu cầu ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi kiểm phiếu biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp

tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức công nghệ khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xây dựng thể thức họp trực tuyến trong nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật, nền tảng kỹ thuật, công nghệ phù hợp và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến/hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, cổ đông Công ty sau khi thực hiện xong các thủ tục đăng ký/dăng nhập đường truyền họp trực tuyến của Công ty được coi là tham gia Đại hội đồng cổ đông ở địa điểm chính của đại hội. Các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện mỗi cổ đông này phải nghe được những cổ đông khác có mặt tại đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe hoặc hiểu rõ những gì cổ đông này cho ý kiến. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này và khoản 2 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này.

3. Trừ trường hợp Quy chế bầu cử quy định khác và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải

thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị, hoặc 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông

qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến

dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc Công ty hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu

biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc Công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu

quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì

lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội

đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc

tài liệu khác.

Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền giữa kỳ cho cổ đông trên cơ sở kế hoạch cổ tức trong năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn của Công ty.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng

khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa nhất trí thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản

xuất VLXD Biên Hòa.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Xuân Đạo



DỰ THẢO

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Đồng Nai, tháng 6/2026

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG..... | 4 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh..... | 4 |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt..... | 4 |
| CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... | 6 |
| Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ..... | 6 |
| Điều 4. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ..... | 6 |
| Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp..... | 7 |
| Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ..... | 8 |
| Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ..... | 8 |
| Điều 8. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ..... | 8 |
| Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ..... | 9 |
| Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ..... | 9 |
| Điều 11. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ..... | 9 |
| Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ..... | 10 |
| Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ..... | 10 |
| Điều 14. Cách thức kiểm phiếu..... | 10 |
| Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua..... | 11 |
| Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu..... | 12 |
| Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ..... | 12 |
| Điều 18. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ..... | 12 |
| Điều 19. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ..... | 12 |
| Điều 20. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản..... | 13 |
| Điều 21. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến..... | 13 |
| Điều 22. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến..... | 17 |
| CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 18 |
| Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT..... | 18 |
| Điều 24. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT..... | 19 |
| Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT;..... | 19 |
| Điều 26. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT..... | 20 |
| Điều 27. Cách thức bầu thành viên HĐQT;..... | 20 |
| Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT..... | 21 |
| Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT..... | 21 |
| Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT..... | 21 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 31. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT | 21 |
| Điều 32. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT..... | 22 |
| Điều 33. Số lượng cuộc họp tối thiểu của HĐQT | 22 |
| Điều 34. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường | 22 |
| Điều 35. Thông báo họp HĐQT..... | 22 |
| Điều 36. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS; | 22 |
| Điều 37. Điều kiện tổ chức họp HĐQT;..... | 22 |
| Điều 38. Cách thức biểu quyết | 23 |
| Điều 39. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT..... | 23 |
| Điều 40. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT..... | 23 |
| Điều 41. Lập biên bản họp HĐQT | 23 |
| Điều 42. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT..... | 24 |
| Điều 43. Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT..... | 24 |
| Điều 44. Người phụ trách quản trị Công ty | 24 |
| CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT..... | 24 |
| Điều 45. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS..... | 24 |
| Điều 46. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS..... | 24 |
| Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS | 25 |
| Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên BKS; | 25 |
| Điều 49. Cách thức bầu thành viên BKS | 25 |
| Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS..... | 25 |
| Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS; | 26 |
| Điều 52. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS..... | 26 |
| CHƯƠNG V: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY | 26 |
| Điều 53. Các tiêu chuẩn của người điều hành Công ty | 26 |
| Điều 54. Giám đốc Công ty | 26 |
| Điều 55. Việc bổ nhiệm người điều hành khác của Công ty | 26 |
| Điều 56. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty | 27 |
| Điều 57. Tiền lương, thưởng của Giám đốc và người điều hành khác của Công ty | 27 |
| CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY | 27 |
| Điều 58. Nguyên tắc phối hợp hoạt động | 27 |
| Điều 59. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS..... | 27 |
| Điều 60. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành..... | 28 |
| Điều 61. Phối hợp hoạt động giữa BKS với Ban điều hành | 28 |
| CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH | 29 |
| Điều 62. Trách nhiệm cản trở..... | 29 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 63. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | 29 |
| Điều 64. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 29 |
| CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT..... | 29 |
| Điều 65. Đánh giá hoạt động..... | 29 |
| Điều 66. Khen thưởng | 29 |
| Điều 67. Kỷ luật | 29 |
| CHƯƠNG IX: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 30 |
| Điều 68. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty..... | 30 |
| CHƯƠNG X: NGÀY HIỆU LỰC..... | 30 |
| Điều 69. Ngày hiệu lực | 30 |

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHCD ngày 16 tháng 6 năm 2026
của ĐHĐCD thường niên năm 2026)*

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

*Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Chứng khoán;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày
17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị
định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một
số điều của Luật Chứng khoán;*

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCD số 01/2026/NQ-ĐHCD ngày 16 tháng 6 năm 2026;

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Xây
dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm các nội dung sau:*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCD, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCD; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Chữ viết tắt:

- a) “Công ty”: là Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;
- b) “ĐHĐCD”: Đại hội đồng cổ đông;

c) “*HĐQT*”: Hội đồng quản trị;

d) “*BKS*”: Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Quản trị Công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật.
- Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội.
- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- Đảm bảo một cơ cấu quản trị tinh gọn và hiệu quả.
- Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Công ty hiệu quả.

b) “*Công ty đại chúng*” là công ty cổ phần được quy định tại Luật Chứng khoán;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành Công ty* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại *Luật Doanh nghiệp* và *Luật Chứng khoán*;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

o) *Các xí nghiệp, bộ phận trực thuộc* là đơn vị hạch toán phụ thuộc và nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định của pháp luật hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- i) Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- l) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông công ty;
- m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.

2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Theo yêu cầu của BKS;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh

nghiệp hoặc sổ giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các Công ty niêm yết/ Đăng ký giao dịch.

Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ
- đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ

1. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại thông báo họp ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 11. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại

diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Việc bỏ phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ Công ty được thực hiện theo một, hoặc một số cách thức sau:

- a) Biểu quyết, bầu chọn (danh sách Đoàn chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu,...) bằng cách giơ thẻ biểu quyết;
- b) Biểu quyết, bầu cử bằng cách bỏ phiếu biểu quyết, phiếu bầu trực tiếp vào thùng phiếu tại ĐHĐCĐ;
- c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cách thức bỏ phiếu cụ thể đối với từng nội dung trình, thông qua tại Đại hội sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của mỗi cuộc họp.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

1. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội, số thẻ “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đếm riêng. Tổng số ý kiến Tán

thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

2. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp ĐHĐCĐ và bỏ vào thùng phiếu được niêm phong đặt tại phòng họp để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

3. Để đảm bảo cho việc kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng, Công ty có thể thiết kế và áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin (bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) với sự bảo đảm rằng cổ đông thực hiện được việc lựa chọn phương án biểu quyết riêng cho từng vấn đề xin ý kiến thông qua tại cuộc họp. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo hoặc yêu cầu ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi kiểm phiếu biểu quyết vấn đề đó hoặc thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Quy chế này và khoản 2 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Trừ trường hợp Quy chế bầu cử quy định khác và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị, hoặc 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

Việc lập biên bản ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Việc công bố nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện và tuân thủ theo quy định công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến

a) Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo Điều 18 Điều lệ Công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 6 Quy chế này.

c) Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Quy chế này. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại thông báo mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm:

a) Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

c) Cách thức ghi nhận cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đó truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo khoản 3 Điều này và đã thực hiện biểu quyết trên hệ thống trực tuyến để xác nhận tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b) Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại

chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

c) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

a) Cổ đông thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

b) Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- Các cổ đông phải cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện việc ủy quyền trực tuyến, đặc biệt là cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

- Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành việc ủy quyền trực tuyến.

- + Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- + Công ty nhận được bản chính Giấy ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp.

- Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước khi khai mạc cuộc họp. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

- Hủy bỏ việc ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

5. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến

a) Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung, chương trình họp ĐHĐCĐ;

- Chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới được tham gia thảo luận;

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông muốn thảo luận phải đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của cuộc họp;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển đến cho Chủ tọa.

b) Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông:

- Trên cơ sở ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

7. Cách thức bỏ phiếu điện tử

a) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử;

- Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b) Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Căn cứ điều lệ Công ty việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (“Bầu dồn đều” hoặc “Bầu ghi số”). Theo đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách chọn vào ô “Bầu dồn đều” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên phiếu bầu cử đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại điểm a khoản 7 Điều này.

c) Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện hết các nội dung biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp thì các nội dung chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung đó;

- Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình họp đã gửi, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung phát sinh đó;

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh ngoài chương trình họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của cuộc họp;

- Trong trường hợp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện bầu ghi số: phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có quyền bầu.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc của cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.

8. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

a) Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

b) Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử và có đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

9. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 8 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

10. Biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến và hình thức thông qua

a) Việc ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

b) Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

c) Hình thức thông qua biên bản họp ĐHĐCĐ được quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp ĐHĐCĐ.

11. Hình thức thông qua Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến do Hội đồng quản trị lựa chọn một trong hai phương án sau và được quy định tại quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

a) Thực hiện bằng cách bỏ phiếu điện tử theo khoản 7 Điều này.

b) Hoặc hình thức khác do quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến quy định.

12. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 23 Điều lệ Công ty.

13. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

14. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

a) Trong thời gian ĐHĐCĐ họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành cuộc họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, các yêu cầu hay chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền,...

b) Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các nội dung này sẽ được biểu quyết lại trong cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập gần nhất.

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

a) Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo Điều 18 Điều lệ Công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 6 Quy chế này.

c) Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Quy chế này. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo Điều 10 Quy chế này;

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (áp dụng với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến) theo khoản 3 Điều 21 Quy chế này.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo Điều 9 Quy chế này;

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Quy chế này.

5. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo khoản 6 Điều 21 Quy chế này.

7. Cách thức bỏ phiếu

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 13 Quy chế này;

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 7 Điều 21 Quy chế này.

8. Cách thức kiểm phiếu

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo khoản 1 và 2 Điều 14 Quy chế này;

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 8 Điều 21 Quy chế này.

9. Thông báo kết quả kiểm phiếu: căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại khoản 8 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết

quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

a) Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp ĐHĐCĐ là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Hình thức thông qua biên bản họp ĐHĐCĐ được quy định cụ thể tại quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ.

11. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

a) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo Điều 14 Quy chế này;

b) Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo khoản 11 Điều 21 Quy chế này.

12. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 23 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ

Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;

s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo pháp luật hiện hành.

Điều 24. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

1. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;

c) Thành viên HĐQT Công ty được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 26. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
2. Trình độ chuyên môn.
3. Quá trình công tác.
4. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác.
5. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty.
6. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).
7. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).
8. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 31. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì

các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 32. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 33. Số lượng cuộc họp tối thiểu của HĐQT

HQĐT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Điều 34. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường

1. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của BKS;
- b) Có đề nghị của Giám đốc Công ty hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.

2. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Điều 35. Thông báo họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

Điều 36. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS;

Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 37. Điều kiện tổ chức họp HĐQT;

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 38. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 40. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, có ký xác nhận giữa thành viên HĐQT- người ủy quyền và người nhận ủy quyền.

Điều 41. Lập biên bản họp HĐQT

1. Việc lập biên bản họp HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 42. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 43. Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Việc thành lập và tổ chức hoạt động của các tiểu ban được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. HĐQT quy định chi tiết về trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban; hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của tiểu ban.

Điều 44. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. HĐQT lựa chọn người có năng lực, chuyên môn, am hiểu ngành, nghề hoạt động và có kinh nghiệm trong công tác quản trị Công ty để bổ nhiệm làm người phụ trách quản trị Công ty.

3. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin của Công ty đại chúng.

4. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định, quy chế của Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 46. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS

Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên BKS;

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Cách thức bầu thành viên BKS

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS;

1. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.

Điều 52. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo Điều 41 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG V: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 53. Các tiêu chuẩn của người điều hành Công ty

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Người điều hành Công ty gồm có: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Người điều hành Công ty phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 54. Giám đốc Công ty

1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 55. Việc bổ nhiệm người điều hành khác của Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

2. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công, ủy quyền.

3. Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

4. Việc ký kết hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm người điều hành khác của Công ty theo đề nghị của Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

Điều 56. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 57. Tiền lương, thưởng của Giám đốc và người điều hành khác của Công ty

1. Giám đốc và người điều hành khác của Công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương, thưởng của Giám đốc và người điều hành khác của Công ty do HĐQT quyết định.

2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 58. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.

2. Luôn tuân thủ các quy định liên quan của luật pháp và Điều lệ Công ty.

3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau hướng đến mục tiêu chung.

4. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi có yêu cầu.

Điều 59. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS

1. Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT. Chương trình, nội dung, tài liệu và thông tin các cuộc họp này phải được gửi đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, BKS có quyền yêu cầu HĐQT

cung cấp các thông tin khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Khi BKS đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc nếu có ý kiến khác.

4. HĐQT phải đảm bảo tất cả các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho thành viên HĐQT phải được cung cấp cho Kiểm soát viên cùng thời điểm.

Điều 60. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Định kỳ hàng quý và năm, Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho HĐQT.

3. Ban điều hành và người quản lý khác được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT để báo cáo, trả lời hoặc giải trình những vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành (nếu có) nhưng không tham gia biểu quyết trong các cuộc họp của HĐQT (trừ những thành viên Ban điều hành là thành viên của HĐQT).

4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của HĐQT, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử thành viên HĐQT tham dự.

Điều 61. Phối hợp hoạt động giữa BKS với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng BKS hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành và các cuộc họp khác do Giám đốc chủ trì. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một (01) bản cho BKS.

2. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng BKS và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho BKS để trực tiếp theo dõi.

4. Các báo cáo của Giám đốc trình HĐQT phải được gửi đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 62. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 63. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Thực hiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 64. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 65. Đánh giá hoạt động

1. Thực hiện theo Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật; hoặc khi có yêu cầu, việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành có thể được thực hiện theo một số phương thức sau:

- a) Tự nhận xét đánh giá;
- b) Đánh giá hoạt động hàng năm;
- c) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm hàng năm hoặc đột xuất;
- d) Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

2. HĐQT sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành.

3. BKS sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên.

4. Ban điều hành sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty.

Điều 66. Khen thưởng

1. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và trong các nhiệm vụ được giao sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và của Công ty.

2. Tiêu chuẩn, các hình thức và trình tự, thủ tục khen thưởng thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Công ty tại từng thời điểm.

Điều 67. Kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành không hoàn thành nhiệm vụ hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mà vi phạm các quy định của Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả sẽ bị kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ

đồng, người lao động và các tổ chức liên quan sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. HĐQT và Giám đốc có quyền quyết định hình thức kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, hình thức, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Công ty vào từng thời điểm.

CHƯƠNG IX: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 68. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này trình ĐHĐCĐ thông qua và do HĐQT ban hành.

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG X: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 69 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2026.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Huỳnh Xuân Đạo

DỰ THẢO

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2026.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026;
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách

nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác (nếu có);

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới

được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên HĐQT Công ty được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty; hoặc phân công Người phụ trách quản trị kiêm làm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo sự phân công của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi

ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;

s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương (trường hợp chuyên trách), thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức

hợp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2026./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Xuân Đạo

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHCD ngày 16 tháng 6 năm 2026;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp chỉ bầu 01 (một) thành viên Ban kiểm soát mà chỉ có 01 (một) ứng cử viên thì ứng cử viên đó được xem như trúng cử nếu được có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

a) Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ vào mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát, bộ phận liên quan chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

b) Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền gửi thông báo triệu tập họp tới các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo triệu tập họp được gửi trước 3 ngày làm việc (bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại) trong đó nêu rõ: chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo tài liệu liên quan cần thiết tại cuộc họp, phiếu biểu quyết của Kiểm soát viên.

c) Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử cho Trưởng Ban kiểm soát trước khi cuộc họp diễn ra.

d) Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành khi có 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự.

đ) Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số thành viên theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

4. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

a) Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.

b) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó được chuyển đến Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa cuộc họp sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

c) Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp.

d) Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

đ) Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ cần liên lạc của từng thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.

e) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

f) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

- Mục đích lấy ý kiến.

- Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát.

- Vấn đề cần lấy ý kiến.

- Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty.

- Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Các kiến nghị của Ban kiểm soát phải đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, được thông qua ngay sau cuộc họp. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền Chủ tọa cuộc họp chỉ định một thành viên làm thư ký cuộc họp lập Biên bản cuộc họp theo từng phiên họp.

3. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ C

ông ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2026.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN